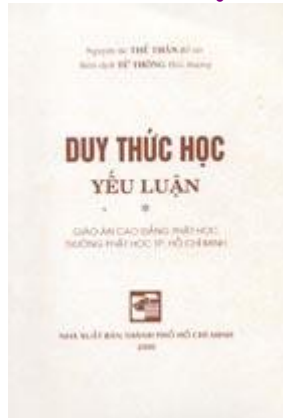


DUY THỨC HỌC

YẾU LUẬN



GIÁO ÁN CAO ĐẲNG PHẬT HỌC

Nguyên tác **THÍCH THÂN BỒ TÁT**



Biên dịch **HT TỪ THÔNG**

---o0o---

Nguồn

<http://www.quangduc.com/>

Chuyển sang ebook 14-6-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

LỜI ĐẦU SÁCH
DẪN NHẬP
BÀI THỨ NHẤT
BÀI THỨ HAI
BÀI THỨ BA
BÀI THỨ TƯ
BÀI THỨ NĂM
BÀI THỨ SÁU
BÀI THỨ BẢY
BÀI THỨ TÁM
BÀI THỨ CHÍN

BÀI THỨ MƯỜI
BÀI THỨ MƯỜI MỘT
BÀI THỨ MƯỜI HAI
BÀI THỨ MƯỜI BA
BÀI THỨ MƯỜI BỐN
TOÀN VĂN BA MƯỜI BÀI TỤNG

---o0o---

LỜI ĐẦU SÁCH

Giáo lý của đạo Phật, xưa nay được kết hợp và lưu giữ trong Tam tạng. Tam tạng là tạng kinh, tạng luật và tạng luận. Tạng kinh và tạng luật do chính kim khẩu đức Phật nói ra. Tạng luận là do đệ tử Phật, những vị đa văn, túc trí có thực tu, thực chứng, sáng tác, nhằm triển khai cái thâm nghĩa, huyền nghĩa, mật nghĩa vi diệu trong lời Phật dạy.

Toàn bộ giáo lý Phật có ba tạng như vậy, khiến cho có một nhóm người hiểu lầm rằng: **Học luật** là **Giới học**, học **Kinh** là **Định học**, học **Luận** là **Tuệ học**, tức là họ đem "Tam tạng" gán cứng, cột ghì vào "Tam vô lậu học" cặp nào theo cặp nấy. Họ tưởng rằng đó là một "phát minh", "một trí tuệ mới". Sự thật, không phải như vậy. Người có thực nghiệm, thực chứng, qua sự thực tu hành người ta không dám nói như vậy đâu !

Quyển sách này có nhan đề: Duy Thức Học. Tác giả là Ngài **Vasubandhu** (Trung Hoa) dịch là **Thế Thân** hoặc cũng có chỗ dịch là **Thiên Thân**.

Thế Thân truyền ký chép: **Thế Thân** ra đời sau Phật Niết bàn khoảng 900 năm (khoảng thế kỷ thứ ba) ở Bắc Thiên Trúc. Thờ mới xuất gia, Ngài tu học theo giáo phái Hữu bộ Tiểu thừa. Thời gian này, Ngài sáng tác bộ Luận A Tỳ Đạt Ma Câu Xá nổi tiếng, làm sáng danh cho phái Hữu bộ.

Thế Thân có người anh tên **Vô Trước**, anh em cùng xuất gia tu học. Nhưng người anh thì chuyên tu học Đại thừa, thâm nhuần sâu sắc giáo nghĩa Đại thừa. Trong những tháng ngày đàm đạo, dần dần Ngài **Vô Trước** chuyển hóa được nhận thức của vị sư em. **Thế Thân** nhận thấy được chỗ thâm thâm vi diệu, cao siêu cứu cánh của giáo lý liễu nghĩa **Đại thừa**. Tương truyền rằng: Khi tiếp nhận nguồn giáo lý liễu nghĩa thượng thừa, vi diệu, **Thế Thân**, ăn năn về những năm tháng mình đã xiển dương giáo lý Tiểu thừa, Ngài có định cắt lưỡi tạ tội. **Vô Trước** Bồ tát nói: Lưỡi tự nó không có tội gì. Trước em dùng

lưỡi và ngòi bút xiển dương giáo nghĩa Tiểu thừa, giờ đây em cũng dùng lưỡi và ngòi bút để xiển dương chánh giáo Đại thừa là đủ rồi. Cắt lưỡi có đem lại lợi lạc cho ai. Từ đó, Ngài **Thế Thân** chuyên sáng tác và truyền bá tư tưởng Đại thừa qua các tác phẩm **Duy Thức Học**.

Các tác phẩm của **Thế Thân** Bồ tát thường được giảng dạy trong chương trình Phật học của các trường Phật học là:

- Tiểu thừa: A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận
- Đại thừa: Duy Thức Nhị Thập Tụng
- Duy Thức Tam Thập Tụng Luận
- Đại thừa Bách Pháp Luận

Và cũng tương truyền rằng: Hồi còn tu theo Hữu bộ Tiểu thừa, Ngài sáng tác có đến cả 500 bộ luận. Sau khi hướng về Đại thừa, Ngài cũng sáng tác đến cả 500 bộ luận nữa. Vì vậy, người đời tôn Ngài với danh hiệu "**Thiên Bộ Luận Sư**".

Yếu luận. **Duy Thức Học Yếu Luận**. Do bi nhân tôi biên dịch. Soạn theo lối giáo án để triển khai, cho nên trong đây: Có phần phiên dịch, phần giải thích thuật ngữ, phần yếu luận để cho người đọc dễ hiểu, người học dễ nhớ rõ. Đã gọi là "yếu luận" cho nên không luận rộng, không viết dài mà viết súc tích, thậm chí "đề cương"!

Mong những tấm lòng thông cảm, khi các vị có trong tay quyển "**Duy Thức Học Yếu Luận**" này.

Viết tại Thao Hối Am
Mùa Đông, năm Kỷ Mão, tháng 10 năm 1999
H. T. THÍCH TỪ THÔNG

DẪN NHẬP

Duy Thức Học, môn nghiên cứu tìm hiểu nguyên ủy của hiện tượng vạn pháp để xác lập một luận cứ, cho người tìm hiểu học và đọc có thể biết được. Duy Thức Học là phương tiện chỉ nam hướng dẫn phương pháp nhận thức về mặt cụ thể của vạn pháp và khái niệm tư duy bên mặt trừu tượng. Do vậy, Duy Thức Học, còn gọi là **Pháp Tướng Duy Thức Học**, ý nghĩa đầy đủ rõ ràng hơn.

Trước đây hơn hai mươi năm, tôi có soạn một số giáo trình để giảng dạy Duy Thức Học, cho tới năm nay, tôi có ân hận về việc viết lách, diễn đạt Duy Thức Học theo nhận thức, kiến giải mà hơn hai mươi năm trước mình đã làm. Tôi có thể sám hối như Luận chủ tổ sư Duy Thức Học, Thiên Thân Bồ tát đã từng sám hối cách đây gần hai ngàn năm !

Thiên Thân Bồ tát tạo luận Duy Thức Học nhằm hỗ trợ cho nền giáo lý **Vô ngã** của đạo đức Phật được đậm nét hơn, sáng tỏ hơn, rõ ràng hơn và đến tột đỉnh cao: "**Vô ngã** là chân lý của vũ trụ, nhân sinh quan trong đạo Phật". Đó là mục tiêu tìm hiểu, lý giải cho những ai muốn học, muốn tu theo tôn chỉ của **Pháp Vương Duy Thức Học**.

Đại Thừa Bách Pháp Luận, có thể nói đây là chìa khóa vàng để mở cửa vào tòa nhà Duy Thức Học mà tác giả bộ luận này là Thiên Thân Bồ tát.

"N hư Thế Tôn Ngôn: Nhất Thiết Pháp Vô Ngã"

Đó là câu nhập đề trực khởi của Luận chủ có nghĩa là Luận chủ tạo ra luận **Đại Thừa Bách Pháp** hoàn toàn căn cứ lời dạy của đức Phật mà triển khai. Triển khai luận **Đại Thừa Bách Pháp**, triển khai hệ giáo lý Đại thừa, triển khai tư tưởng Duy Thức Học, nhằm làm sáng tỏ chân lý **Vô ngã** trong nền giáo lý của đức Phật. Hiểu biết chân lý **Vô ngã** một cách đích thực bằng tư duy, bằng quán chiếu của mình thì với chân lý **Vô thường, khổ, không và bất tịnh**, học giả hay hành giả ấy sẽ lần lần chứng ngộ theo quá trình tiệm tiến trên bước đường học đạo và hành đạo của chính mình.

Ta hãy đọc tiếp:

Hỏi: "Tất cả pháp gồm có những gì ?"

"Vô ngã là sao ? Có mấy thứ ?"

Đáp: "Tất cả pháp tóm lược có 5 loại:

1. TÂM PHÁP
 2. TÂM SỞ HỮU PHÁP
 3. SẮC PHÁP
 4. TÂM BẤT TƯƠNG ỨNG HÀNH PHÁP
 5. VÔ VI PHÁP
- TÂM VƯƠNG ƯU VIỆT HƠN CẢ
 - TÂM SỞ HỮU TƯƠNG ỨNG TÂM VƯƠNG

- SẮC PHÁP LÀ SỰ ÁNH HIỆN CỦA VƯƠNG SỞ TRÊN
- BẤT TƯƠNG ỨNG DO BA PHÁP TRÊN MÀ GIẢ LẬP
- VÔ VI PHÁP TƯƠNG ĐÃ BỐN PHÁP HỮU VI MÀ CÓ RA

Đọc nghiên cứu, phân tách tổng quát năm loại pháp trên đủ thấy tính chất "*Duyên sinh*" và "*Vô ngã*" rồi, vì không có pháp nào có tính độc lập, tự sinh, tự tồn, bất biến, bất động.

"*Tất cả pháp vô ngã*" nhưng bao quát mà tóm thu có hai thứ:

1. NHƠN VÔ NGÃ
2. PHÁP VÔ NGÃ

Đó là khái quát nội dung bộ luận *Đại Thừa Bách Pháp* nhằm xác lập chân lý *Vô ngã* qua cái nhìn của Đại thừa Duy Thức Học với vấn đề vũ trụ nhân sinh quan.

Giáo án này tôi viết cho trình độ Cao đẳng Phật học, ngắn gọn, súc tích. Nó đòi hỏi nhiều ở người triển khai hướng dẫn. Triển khai tốt, người nghe sẽ thu thập được nhiều kiến giải Phật học để làm cơ sở ban đầu cho những ai có ý muốn tham quan tường tận tòa lâu đài *Pháp Tướng Duy Thức Học* đồ sộ xa xa phía trước.

Nào ! Chúng ta hãy chuẩn bị sẵn sàng, cầm chìa khóa lên tay đi!

Viết tại Thao Hối Am
Mùa Đông, năm Kỷ Mão, tháng 10 năm 1999
Phật lịch 2543

H. T. THÍCH TỪ THÔNG

---o0o---

BÀI THỨ NHẤT

Hỏi: Nếu Duy Thức Học có cơ sở vững chắc thì vấn đề "ngã" của Phật giáo và thế gian phải được hiểu như thế nào ?

BÀI TỤNG DUY THỨC ĐÁP:

Phiên âm

Do giả thuyết ngã **pháp**
Hữu chủng chủng tướng chuyển

Bỉ y thức sở biến
Thử năng biến duy tam
Vị dị thực tư lương
Cập liễu biệt cảnh thức

Dịch nghĩa

Do **ức thuyết** về ngã
Ý niệm **ngã** nảy sanh
Tướng ngã duy thức **biến**
Thức **năng biến** có ba
Rằng **dị thực, tư lương**
Và **liễu biệt cảnh thức**

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ:

Ức thuyết: Tự mình tưởng tượng ra, hiểu theo cái hiểu của mình, không bằng cứ vào một học thuyết thực tiễn hay chân lý siêu tuyệt nào khác.

Ngã: Độc lập tự sinh, độc lập tự tồn, bất biến và bất động.

Pháp: Hiện tượng vật chất trước mắt ngàn sai muôn khác, mỗi mỗi có hình dáng lớn nhỏ, kích thước ngắn dài, qui mô cao thấp, màu sắc đa dạng, khiến cho người ta trông thấy nó là nó mà không lầm lẫn giữa vật này là vật nọ. Mỗi một dạng vật chất được gọi là một pháp.

"Nhậm trì tự tánh, quý sanh vật giải" (tự nó giữ gìn cái đặc tính riêng của nó)

Ngoài vật chất ra chữ "pháp" của nhà Phật còn bao hàm hết lãnh vực nhận thức khái niệm của ý như: vui buồn, thương ghét, thiện ác, trí tuệ, vô minh v.v....

Biến: Sự chuyển hóa liên tục trong quá trình tiến triển của vật chất cộng với thức tâm để hình thành một sự vật hiện tượng nào đó.

Năng biến: Phần chủ thể nhận thức, biểu hiện qua tám thức tâm vương, thông qua sự ức thuyết và tưởng tượng.

Dị thực: Tên gọi khác của A lại da, của Nhất thiết chủng, của Đệ bát thức.

Tư lương: Tên gọi của mặt na hay đệ thất thức.

Liễu biệt cảnh: Tên gọi chung của sáu thức trước: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý thức.

YẾU LUẬN

Diệt ngã, xả ngã là vấn đề cốt lõi trong kho tàng Phật giáo. Hiểu rõ, thực chứng rốt ráo chân lý vô ngã là thành tựu Bồ đề Niết bàn vô thượng (Bất kiến nhất pháp tức Như Lai..)

Quán sát vũ trụ nhân sinh, đức Thế Tôn dạy:

"Tất cả pháp vô ngã"

Nghĩa là toàn bộ "hữu tình chúng sinh" và "vô tình chúng sinh" đều vô ngã qua cái thấy của Phật nhãn. Nói cách khác, qua nhận thức của Phật, loài động vật cũng như thực vật, khoáng vật đều không có tính tự ngã, tự sinh, tự tồn, tự độc lập, bất biến và bất động. Tuy nhiên, ở các kinh điển thỉnh thoảng đó đây đức Phật có lúc vẫn đề cập về ngã, nhân, chúng sanh và thọ giả tương...Đó là Như Lai vận dụng "thế giới tất đàn" trong tứ tất đàn, vận dụng "tục đế" trong "nhị đế" mở bày phương tiện trong cứu cánh đây thôi ! Cuối cùng Như Lai chỉ bày những giáo lý phương tiện chỉ là phương tiện, người Đại thừa chúng tánh phải tu học giáo lý đệ nhất nghĩa, cứu cánh Đại thừa.

Như Lai nói: ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả tức không phải ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả mà gọi là ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả vậy thôi !

(Kinh Kim Cang Bát Nhã)

Ngã của thế gian do ức thuyết, do tưởng tượng, do mê tín dị đoan. Không ai chứng minh được cái gì là ngã.

Tóm lại, Phật giáo nói ngã, khi sử dụng phương tiện tùy thế tục vận dụng thế đế, để rồi cuối cùng phủ định ngã, khi con người có khả năng nhận thức chân lý vô ngã. Thế gian nói ngã chỉ vì ức thuyết, do tưởng tượng hoang đường, do si mê cuồng tín...."**Vạn Pháp Duy Thức**" chữ thức trong từ Duy thức phải hiểu là "Nhất thiết chủng" cũng gọi là "Tàng thức", cũng gọi là "Dị thực thức". Thức này chứa đựng hết thấy chủng tử hạt nhân của vạn vật hiện tượng, chứa đựng hết thấy khái niệm, nhận thức và tư duy của các loại hữu tình.

Hạt nhân của vạn vật hiện tượng tuy nhiều tự trung gồm trong ba loại: khoáng vật, thực vật và động vật. Qua cái nhìn của nhà Phật học thì "Nhất thiết

chủng thức" chứa đựng bảy thứ có tánh chất phổ biến là: Địa đại, Thủy đại, Hỏa đại, Phong đại, Không đại, Kiến đại và Thức đại.

Từ những chất liệu hạt nhân đó, chuyển biến sinh hóa, tác động tương quan qua lại với nhau mà hình thành sự vật hiện tượng vạn pháp. Những hạt nhân trong Nhất thiết chủng thức biến chuyển sinh hóa từng sát na không ngừng theo tiến trình phát triển, tiến hóa để rồi thành sự vật hiện tượng vạn pháp từ giản đơn dần dần đến phức tạp.

Sự tác dụng qua lại, sự kết hợp để hình thành một sự vật hiện tượng đó chính là quá trình Duy Thức Biến . Như thị như thị ***Biến*** của Duy Thức Học.

Hạt nhân của vạn pháp vẫn chưa phải là nguyên tố duy nhất khởi đầu để sinh ra vạn vật hiện tượng mà hạt nhân của vạn pháp phải tác động qua lại với nhau mới phát triển, mới tiến hóa hình thành vạn vật hiện tượng. Điều đó cắt nghĩa cho ta thấy rõ ràng sự biến hóa của Duy Thức và giáo lý ***Duyên Sinh*** của đạo Phật là chân lý hiển nhiên.

Hiện tượng vạn vật vô tri gọi là sở biến, khái niệm nhận thức tư duy được gọi là năng biến. Năng biến, sở biến đều là sản phẩm cơ bản, sản phẩm hạt nhân hiện hữu một cách tự nhiên của Nhất thiết chủng thức. Sự hiện hữu này, Duy Thức Học gọi là "Bất khả tri" !

Năng biến có ba hình thái: Dị thực, Tư lương và Liễu biệt cảnh.

Dị thực thức: để cắt nghĩa rằng hiện tượng vạn pháp sinh ra không có pháp nào vượt ngoài chân lý nhân quả.

Tư lương thức: nhằm chỉ rõ rằng mỗi một hiện tượng duyên sinh khi sinh ra đều có quán tính tự nhiên duy trì và phát triển sự tồn sinh hầu kéo dài sự hiện hữu của chúng. Vì vậy, nó còn có tên: Ngã ái chấp tàng.

Liễu biệt cảnh thức: chứng minh rõ nét tánh chất khác nhau giữa năng biến và sở biến, chủ thể và đối tượng, phân biệt và sở phân biệt.

Nói rút lại:

Năng biến thuộc bát thức tâm vương, một phần hạt nhân, duyên sinh ra loài **động vật hữu tình**.

Sở biến thuộc vật chất những hạt nhân, duyên sinh ra **khoáng vật, thực vật vô tình**.

"Thị chi thức chuyển biến
"Phân biệt sở phân biệt
"Do thử bị giai vô
"Cố nhất thiết Duy thức..."

BÀI THỨ HAI

Hỏi: **Đã được nghe qua về ba món năng biến, vậy xin được biết món năng biến thứ nhất thế nào ?**

BÀI TỤNG DUY THỨC ĐÁP:

Phiên âm

Sở A lại da thức
Dị thực, nhất thiết chủng
Bất khả tri chấp thọ
Xứ liễu thường dữ xúc
Tác ý thọ tướng tư
Tương ưng duy xả thọ
Thị vô phú vô ký
Xúc đẳng diệt như thị
Hằng chuyển như bộc lưu
A la hớn vị xả

Dịch nghĩa

Thứ nhất, **A lại da**
Dị thực, nhất thiết chủng
Không thể biết chấp thọ
Cảnh, căn, thường cùng xúc
Tác ý, thọ, tướng, tư
Chỉ tương ưng xả thọ
Tánh vô phú **vô ký**
Xúc, tác ý...cũng vậy
Hằng chuyển như nước thác
Quả A la hớn không còn

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ:

***A lại da:** Phạn âm dịch là Tàng. Tàng có nghĩa là nhà kho. A lại da ví cái kho vĩ đại, về không gian không biên giới, về thời gian tột ba đời; do đó nó có cái tên Tàng thức. Tàng có ba nghĩa, nếu nhìn qua ba phương diện, đó là: Năng tàng, Sở tàng và Ngã ái chấp tàng. Nhìn bên mặt công dụng chứa đựng của nhà kho, đó là nghĩa **Năng tàng**. Nhìn bên mặt các loại chủng tử bị chứa, đó là nghĩa **Sở tàng**. Nhìn bên mặt duy trì sức sống, sự sanh trưởng và phát triển của sự vật để hình thành, đó là nghĩa **Ngã ái chấp tàng**.

***Dị thực:** Có ba nghĩa:

1. Dị thời nhi thực.
2. Dị biến nhi thực
3. Dị loại nhi thực

Chủng tử của vạn pháp duyên sinh và phát triển hình thành luôn luôn theo luật nhân quả nhất định, nghĩa là sự vật từ khi sinh đến lúc hình thành viên mãn một chỉnh thể phải trải qua thời gian, đó là nghĩa **Dị thời**. Từ khi sinh đến lúc hình thành viên mãn kết cuộc của chu kỳ nhân quả phải trải qua thay đổi liên tục, sự phủ định không ngừng, đó là nghĩa **Dị biến**. Từ khi sinh trong nhân đến khi hình thành ra quả, khác hẳn nhau, đó là nghĩa **Dị loại**.

Nhất thiết chủng: Tên khác của A lại da. Nhìn bên mặt chủng tử Sở tàng. A lại da có tên Nhất thiết chủng.

Thọ: Sự tiếp nhận, lãnh thọ. Thọ có ba thứ:

1. Lạc thọ: Tiếp nhận vui
2. Khổ thọ: Tiếp nhận khổ
3. Xả thọ: Không thọ vui cũng không thọ khổ.

Vô ký: Tánh không thiện, không ác. Vô ký tánh có hai thứ:

1. Vô phú vô ký: Tánh vô ký này vốn trong sáng từ bản chất.
2. Hữu phú vô ký: Hiện tượng nhiễm ô không biểu lộ rõ rệt nhưng bản chất không hoàn toàn thanh tịnh.

YẾU LUẬN

Món năng biến thứ nhất có ba tên. Nhìn bên công năng chứa đựng bao hàm thì có tên A lại da. Nhìn bên chủng tử vạn pháp bị chứa, nó có tên Nhất thiết chủng. Nhìn bên mặt sinh khởi và phát triển của chủng tử vạn pháp nhất nhất đều phải theo một chu trình nhân quả, nên nó có tên là Dị thực.

Sự tích tập, giữ gìn và phát triển của Tàng thức không biết được. Con người chỉ có thể nghiên cứu, tìm hiểu...mà thôi. Các nhà đạo học, khoa học...cũng chỉ giải thích, cắt nghĩa theo kiến giải nhất định của chính mình, ngoại trừ đức Phật Thích Ca !

Năng biến thứ nhất, tánh vô phú vô ký, cho nên tất cả pháp "Sở tàng" trong A lại da vốn không có nhiễm ô.

Năm món Tâm sở: Xúc, Tác ý, Thọ, Tưởng, Tư, tương ứng với thức A lại da, cũng cùng tánh vô phú vô ký như vậy.

Ba thọ: Lạc thọ, Khổ thọ và Xả thọ. Thức A lại da thuộc Xả thọ.

A lại da thức vừa hằng vừa chuyển giống như dòng nước tuôn chảy liên tục của thác, xem như cố định nhưng chỉ là sự nối tiếp liên tục vì mật của những giọt nước tuôn nhanh. Vũ trụ vĩnh hằng, vật chất vĩnh hằng nhưng hằng trong chuyển; tuy chuyển mà chuyển trong hằng.

Chứng quả A la Hớn, cái tên A lại da thức được chuyển đổi. Quả vị A la Hớn là người xuất ly tam giới, là người hóa giải, diệt hết Kiến tư hoặc trong tam giới. Do vậy, qua cái thấy biết của người A La Hớn, vạn pháp không còn là nguyên nhân gây ra ô nhiễm làm đau khổ cho ai. Nói cách khác, người A la Hớn đã thanh tịnh hóa được lục căn và lục cảnh ở cõi đời rồi !

BÀI THỨ BA

Hỏi: Đã nói về thức năng biến thứ nhất rồi. Vậy thức năng biến thứ hai sự hiện hữu của nó ra sao ?

BÀI TỤNG DUY THỨC ĐÁP:

Phiên âm

Thức đệ nhị năng biến
Thị thức danh Mạt na
Y bỉ chuyển duyên bị
Tư lương vi tánh tướng

Tứ phiên nào thường câu
Vị ngã si ngã kiến

Tình ngã mạn ngã ái
Cặp dư xúc đẳng câu

Hữu phú vô ký nhiếp
Túy sở sanh sở hệ
A la hớn diệt định
Xuất thế đạo vô hữu

Dịch nghĩa

* Thức năng biến thứ hai
Tên gọi là **mạt na**
Từ A lại da...ái A lại da
Tính tướng hảo **suy lường**

* Bốn phiền não thường chung
Là ngã **si ngã kiến**
Cùng ngã **mạn ngã ái**
Xúc, tác ý,....trương ung

* **Hữu phú vô ký** tánh
Khẩn khít A lại da
A la hớn, diệt định
Đẳng **xuất thế** không còn

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ:

Mạt na: Trung Hoa dịch là ý căn, dựa trên tính "tư lương", tính "chấp ngã" để rồi sinh ngã si, ngã kiến, ngã mạn, ngã ái. Mạt na là cơ sở làm chỗ nương tựa để ý thức phát sinh phân biệt. Vì vậy, có tên "ý căn". Mạt na theo thứ tự có tên "đệ thất thức", tức là món năng biến thứ hai vậy.

Suy lường: Dịch chữ tư lương. Tính "suy lường" của "tư lương" khác với tính toán nghĩ ngợi của "tư duy" phân biệt. Suy lường của "tư lương" như sóng ngầm. Tính toán phân biệt của "tư duy" như sóng lượn ồ ạt lao xao trên mặt biển.

Si kiến mạn ái: Thức Mạt na do ngã, vì ngã và cho ngã mà hiện hữu. Ngoài ngã ra, Mạt na không có tích sự nào khác. Vì vậy, Mạt na bản chất vốn nhiễm ô rồi.

Hữu phú vô ký: "Hữu phú" nói lên tính nhiệm ô bản chất của thức Mạt na.

A la hớn: Dịch vô sinh, sát tặc, ứng cúng. Đây là quả vị của người đoạn trừ Kiến Tư hoặc trong nhân, là người xuất ly tam giới.

Diệt định: Nói đủ: Diệt Tận Định, người tu thiền định, diệt được sự phân biệt của tiền thất thức và ý niệm chấp ngã không còn.

Xuất thế đạo: Từ A la Hớn trở lên, cứu cánh là quả Vô Thượng Bồ Đề.

YẾU LUẬN

Mạt na thức là năng biến thứ hai trong ba món năng biến và là thức thứ bảy trong tám thức tâm vương. Mạt na, Phạm âm, Trung Hoa dịch là ý căn. Nó là chỗ nương tựa, cơ sở của ý thức thứ sáu, phát triển tư duy phân biệt. Vì vậy, tính, tướng, bản chất của Mạt na là "Tu lương". Mạt na không có tính độc lập, tự sinh, tự khởi. Sự sinh khởi Mạt na hoàn toàn hệ thuộc A lại da. Mạt na là "ngã ái chấp tàng" trong ba nghĩa tàng. Mạt na chấp lấy **Kiến phần** A lại da, bảo thủ tính chấp của mình khư khư theo "ức thuyết", không chuân đích, không căn cứ và hoàn toàn không chân lý. Kiến phần cũng như Tướng phần của A lại da đều là pháp hiện tượng duyên sinh: vũ trụ sơn hà, sum la vạn tượng...tất cả đều "vô ngã". Thế cho nên, ngã của Mạt na chấp chỉ là "ngã si", "ngã kiến", "ngã mạn", "ngã ái", không chân lý, không chút thực tiễn nào. Mạt na chấp ngã là sự vin chấp nội tại của A lại da: Ngã ái chấp tàng của A lại da vin chấp **Kiến phần** của A lại da để rồi "ức thuyết" thành "bản ngã" bởi chính mình. Vì vậy, bài tụng Duy thức:

"Từ A lại da...ái A lại da"

Nên biết, tám thức tâm vương đều giống nhau. Thức nào cũng có bốn phần. Đó là: Kiến phần, Tướng phần, Tự chứng phần và Chứng tự chứng phần. Bốn phần này, ta mượn một tỷ dụ để có khái niệm: 1. Xem hoa; 2. Cành hoa; 3. Nhận định hoa; 4. Đánh giá, giá trị hoa. Mỗi một thức khi phát khởi đều phải diễn biến theo một quá trình: Chủ thể nhận thức, đối tượng nhận thức, nhận thức đối tượng và đánh giá đối tượng ấy. Ta cũng có thể mượn tỷ dụ thứ hai: 1. Người viết đơn kiện; 2. Người bị kiện; 3. Quan tòa xử lý kiện; 4. Viện kiểm soát tối cao (cơ sở luật pháp). Bốn phần liên hợp lại, tác dụng hỗ trợ nhau để hoàn thành kết quả của một "**Thức**", khi thức đó sinh khởi.

Mạt na thức bản chất vốn nhiệm ô, tánh hữu phú vô ký nói lên sự nhiệm ô chấp ngã, là nguyên nhân sinh ra mọi thứ phiền não, mọi nỗi thống khổ cho

con người trên cõi đời. Mạt na thức, tánh hữu phú vô ký, điều này nói lên rằng mạt na thức nhiễm ô từ bản chất. Bốn phiền não thường chung cùng sinh khởi thì hiện tượng cũng chẳng trong sạch được.

Mạt na thức cũng như bát thức tâm vương đương nhiên đều có tương ứng với nhóm tâm sở biên hành: xúc, tác ý, v.v....Ngoài ra còn một số....

Mạt na thức "tùy sở sinh sở hệ" có nghĩa là Mạt na khấn khít gắn bó chặt với A lại da. Không có A lại da, không tìm đâu cho có Mạt na được. Cũng như không có thủ tướng, không sao có "vệ sĩ" thủ tướng trên cõi đời.

Có ba hạng người do công phu tu chứng mà loại bỏ Mạt na thức. Một là người tu chứng đến quả A la hán. Hai là người tu chứng Định Diệt Tận. Ba là Phật Thế Tôn.

"Ngã" cộng với "ngã sở hữu" là tiêu chuẩn, là thước, để đo, để đánh giá: tiến trình học đạo, hành đạo và chứng đạo của người đệ tử Phật, chân chính và không chân chính vậy.

BÀI THỨ TƯ

Hỏi: Thức năng biến thứ ba gồm có những gì ?

BÀI TỤNG DUY THỨC ĐÁP:

Phiên âm

Thứ đệ tam năng biến
Sai biệt hữu lục chủng
Liễu cảnh vi tánh tướng
Thiện bất thiện câu phi

Thử tâm sở biên hành
Biệt cảnh thiện phiền não
Tùy phiền não bất định
Giai tam thọ tương ưng

Dịch nghĩa

* Thức năng biến thứ ba
Có *sáu thứ sai biệt*

Tiếp nhận tốt tiền cảnh
Thiện, bất thiện *câu phi*

* Những *tâm sở* biến hành
Biệt cảnh, thiện, phiền não
Tùy phiền não, bất định
Cả *ba thọ* tương ưng

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ:

* *Sáu thức sai biệt:*

1. **Nhãn thức:** Sự tiếp nhận phân biệt *sắc* cảnh của mắt.
2. **Nhĩ thức:** Sự tiếp nhận phân biệt *thanh* cảnh của tai.
3. **Tỷ thức:** Sự tiếp nhận phân biệt *hương* cảnh của mũi.
4. **Thiệt thức:** Sự tiếp nhận phân biệt *vị* cảnh của lưỡi.
5. **Thân thức:** Sự tiếp nhận phân biệt *xúc* cảnh của thân.
6. **Ý thức:** Sự tiếp nhận phân biệt *pháp* cảnh của ý.

* *Câu phi:* Phi cả hai: Phi thiện, Phi ác. Vô ký. Câu phi là tánh vô ký.

* *Tâm sở:* Tâm sở hữu pháp: Pháp sở hữu của Tâm vương.

* *Ba thọ:* Lạc thọ, Khổ thọ, Xả thọ (Xem bài thứ hai)

YẾU LUẬN

Năng biến thứ ba gồm sáu thức, gọi bằng một tên chung: *Tiền lục thức*.

Thức nương *căn* mà phát khởi, gá *cảnh* sinh phân biệt; vì vậy, *căn*, *cảnh*, *thức* không có lúc rời nhau.

- Nhãn *căn* sinh nhãn *thức* phân biệt *sắc* cảnh.
- Nhĩ *căn* sinh nhĩ *thức* phân biệt *thanh* cảnh.
- Tỷ *căn* sinh tỷ *thức* phân biệt *hương* cảnh.
- Thiệt *căn* sinh thiệt *thức* phân biệt *vị* cảnh.
- Thân *căn* sinh thân *thức* phân biệt *xúc* cảnh.
- Ý *căn* sinh ý *thức* phân biệt *pháp* cảnh.

Thức đứng trung gian giữa Căn và Cảnh, Sự liên hoàn giữa *căn*, *cảnh*, *thức* chi phối bao quát hết mọi vấn đề trong vũ trụ nhân sinh.

Các nhà Phật học thông thường, người ta gọi sự liên hoàn của tam đầu chế này là: **căn, trần, thức**. Ở đây, bĩ nhân tôi không nói theo ngôn từ mà nhiều người trước đã dùng, nhằm lưu ý cho người học Phật: Rằng hiện tượng sum la trước mắt không hề có chất nhiễm ô, càng không hề làm đau khổ hay là nguyên nhân đau khổ cho ai. Qua cái thấy của người nhiễm nặng "vi rút" Đại thừa; sự liên hoàn đó phải được nói :**căn, cảnh, thức**.

Đi sâu vào Duy thức học, để minh chứng tính duyên sinh, vô ngã, **căn** và **thức** còn nhiều lắm vấn đề phải...biết.

Y, phát, thuộc, trợ, như.

Đó cũng là những yếu tố cấu tạo, duyên sinh ra thức:

"Nhãn thức cứu duyên sinh

"Nhĩ thức duy tòng bát

"Tỷ, thiệt, thân tam thất

"Hậu tam, ngũ tam tứ"

Nhãn thức sinh cần chín điều kiện, thiếu một, nhãn thức không sinh khởi được. Đó là:

Không, minh, căn, cảnh, tác ý, phân biệt, nhiễm tịnh, căn bản, chủng tử.

- Nhĩ thức cần **tám**. Bỏ món **minh**.
- Tỷ, thiệt, thân, ba thức này cần **bảy**. Bỏ **không** và **minh**.
- Ý thức cần **năm**. Bỏ **không, minh, phân biệt, nhiễm tịnh**.
- Mạt na cần **ba**. Bỏ **không, minh, căn, cảnh, phân biệt, nhiễm tịnh**.
- A lại da cần **bốn**. Bỏ **không, minh, căn, nhiễm tịnh, căn bản**.

Tiền lục thức (năng biến thứ ba) đủ cả ba tánh: thiện, ác và vô ký, tương ứng hết năm mươi một tâm sở.

Tâm sở có sáu loại, gồm **năm mươi một** món:

- Biên hành: 5

- Biệt cảnh: 5

- Thiện: 11
- Phiền não căn bản: 6
- Tùy phiền não: 20
- Bất định: 4

Tóm lại, **ngã tướng** là pháp đối tượng sở biến. Bát thức tâm vương (ba món năng biến) là chủ thể năng biến.

Bát thức tâm vương tự "biến" ra ngã tướng, tự đặt niềm tin, tự tôn thờ, thậm chí lay lục, khẩn khứa van xin, nguyện cầu với "ông" **ngã tướng** do trí tưởng tượng tạo ra không dựa vào chân lý.

Nghiên cứu ba món năng biến, thấy rõ sự tương quan tác động của tâm vương, tâm sở hữu pháp, sắc pháp, tâm bất tương ưng hành và vô vi pháp. Người ta đủ kết luận:

"Nhất thiết pháp vô ngã"

"Hiện tượng vạn pháp duyên sinh tồn tại khách quan"

BÀI THỨ NĂM

Hỏi: Đã nêu tổng quát sáu loại Tâm sở tương ứng với năng biến thứ ba. Nay cần biết tánh sai biệt của chúng như thế nào ?

BÀI TỤNG DUY THỨC ĐÁP:

Phiên âm

Sở biến hành xúc đẳng
 Thứ biệt cảnh vị dục
 Thắng giải niêm định tuệ
 Sở duyên sự bất đồng

Thiện vị tín tâm quý
 Vô tham đẳng tam căn
 Cần an bất phóng dật
 Hành xả cập bất hại

Phiền não vị tham sân
Si mạn nghi ác kiến

Tùy phiền não vị phần
Hận phú não tật xan

Cuồng siểm dữ hại kiêu
Vô tâm cập vô quý
Trạo cử dữ hôn trầm
Bất tín tinh giải đãi

Phóng dật cập thất niệm
Tán loạn bất chánh tri
Bất định vị hối miên
Tâm từ nhị các nhị

Dịch nghĩa

* Trước hết **tâm sở biến hành**: Xúc, tác ý, thọ, tưởng, tư

* Kế **biệt cảnh**: có dục
Thắng giải, niệm, định, tuệ
độc lập trước cảnh duyên

* **Thiện**: có tín, tâm, quý
Vô tham, vô sân, vô si
Cần an, bất phóng dật
Hành xả và bất hại

* **Phiền não**: có tham sân
Si, mạn, nghi, ác kiến

* Tùy phiền não: là phần
Hận, phú, não, tật xan
Cuồng siểm với hại, kiêu
Vô tâm và vô quý
Điệu cử với hôn trầm
Bất tín cùng giải đãi
Phóng dật với thất niệm
Tán loạn, bất chánh tri

* **Bất định:** có hồi, miên
Tâm từ: đều hai mặt.

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ:

* **Tâm sở:** Nói đủ **Tâm sở hữu pháp**. Pháp sở hữu của tâm vương, có ba nghĩa:

1. Hằng y tâm khởi
2. Dữ tâm tương ứng
3. Hệ thuộc ư tâm

* **Biển hành:** Phổ biến khắp bốn lãnh vực, gọi là **Biển tứ nhất thiết:**

1. Nhất thiết thức
2. Nhất thiết thời
3. Nhất thiết địa
4. Nhất thiết tánh

* **Biệt cảnh:** Hoàn cảnh riêng biệt, môi trường độc lập: Khi một tâm sở sinh khởi, trong hoàn cảnh riêng biệt, các tâm sở còn lại không có tương quan.

* **Thiện:** "Tăng ích". Đem lại nhiều điều thuận lợi cho việc tu tâm dưỡng tánh. Tăng ích trong việc lợi mình, lợi người, lợi cho tất cả.....

* **Phiền não: Phiền:** Sự nóng nảy, bức tức, khiến tâm thô tháo, âm ức, không an. **Não:** Sự buồn bực, sầu lo ray rứt, âm i khôn nguôi. Phiền não có hai loại:

1. Căn bản phiền não: Phiền não gốc rễ, có sáu món.
2. Chi mạng phiền não: Phiền não nhánh lá chồi tược, có hai mươi món

* **Bất định:** Loại tâm sở bất định khi sinh khởi, phải xem xét kết quả rồi sau mới xác định tính chất thiện hay ác.

* **Năm tâm sở biển hành:**

1. **Xúc:** Sự giao tiếp giữa chủ thể nhận thức và đối tượng nhận thức, giữa năng tri và sở tri.
2. **Tác ý:** Đánh thức khởi tâm, dẫn tâm đến cảnh, ghi nhận vào tâm.
3. **Thọ:** Lãnh nạp. Lãnh nạp vui, khổ hoặc vô ký.

4. **Tưởng:** Hồi tưởng nhớ cảnh đã qua, tưởng tượng cảnh chưa xảy đến; sau đó giả đặt danh ngôn.
5. **Tư:** Suy tư tính toán, khiến tâm hoạt động không ngừng....

*** Năm tâm sở biệt cảnh:**

1. **Dục:** Mong muốn, hy vọng. Nếu hy vọng Lạc cảnh thì dục là chỗ dựa cho **cần**.
2. **Thẳng giải:** Nhận định chắc chắn không gì lay chuyển.
3. **Niệm:** Nhớ nghĩ cảnh từng quen, đã gặp, ghi nhớ không sai, làm chỗ dựa cho **định**.
4. **Định:** Đối cảnh sở quán, tâm chuyên chú không loạn, làm chỗ dựa cho **tuệ**.
5. **Tuệ:** Chọn lựa cảnh sở quán đúng. Dứt khoát trong sự đoạn nghi.

*** Mười một món thiện:**

1. **Tín:** Đức tin: Đối với **thật, đức, năng** khởi tâm ham mộ, với **chân, thiện, mỹ** hoan hỉ tiếp thu. Sâu sắc hơn: tín tự, tín tha, tín nhân, tín quả, tín sự, tín lý, để tâm cầu tiến. Đối trị tâm bất tín.
2. **Tàm:** Tự biết xấu hổ khi làm việc sai quấy. Đối trị tánh vô liêm sỉ.
3. **Quy:** Tự tôn nhân phẩm, khinh rẻ bạo ác bất lương, không làm tội lỗi.
4. **Vô tham:** Đối với tài, sắc, danh, thực....là nhân khổ trong tam giới, không lưu luyến, không dính mắc... Đối trị tâm tham.
5. **Vô sân:** Không giận dữ, bực tức. Dứt khổ nhân, khổ quả. Đối trị sân nhuế.
6. **Vô si:** Đối với chân như, vô minh: hiểu rõ, không mù mờ lẫn lộn. Bản thể, hiện tượng: nhận thức thấu triệt căn nguyên. Đối trị tâm tánh ngu si ám độn.
7. **Cần:** Siêng năng tận tụy. Bên mặt thuần thiện, cần tức là tinh tấn.
8. **Khinh an:** Nhẹ nhàng tâm tưởng, thư thái thần trí. Đối trị hôn trầm.
9. **Bất phóng dật:** Thúc liễm thân, khẩu, ý trong sáng. Giảm ác, tăng thiện. Đối trị phóng dật.
10. **Hành xả:** Thân, khẩu, ý tích cực trong việc hành thiện, lợi ích chúng sinh. Làm mà không chấp, không hy vọng nghĩa trả ơn đền. Khác với xả của "xả thọ".
11. **Bất hại:** Không làm đau khổ hữu tình. Đối trị tâm độc ác, hại người.

*** Sáu món phiền não căn bản:**

1. **Tham:** Đam mê luyến ái ngũ dục. Ôm lấy nhân khổ để rồi thọ lấy quả khổ trong tam giới. Đối lập tánh vô tham.

2. **Sân:** Bất bình, bất mãn trong sự tham cầu ngũ dục, thường khởi ác nghiệp qua thân, khẩu, ý. Chướng ngại vô sân.
3. **Si:** Mê muội sự lý, mê muội chân vọng, mê muội chánh tà, hay tạo ác nhân để thọ quả khổ đời sau. Si là tên khác của vô minh. Chướng ngại vô si.
4. **Mạn:** Tự thị, tự tôn đối với người khác, thường kênh kiêu, ngạo nghễ, tâm thường bất an. Chướng ngại ôn nhu, nhân hậu.
5. **Nghi:** Do dự không quyết đoán đối với sự lý, chánh tà, chân ngụy. Cản trở cơ hội tốt trên đường thăng tiến. Chướng ngại tánh quyết đoán.
6. **Ác kiến:** Đối với sự thật, với chân lý; nhận thức lệch lạc, sai lầm, thường gây tạo khổ nhân, gánh chịu khổ quả. Chướng ngại Thiện kiến. Ác kiến có năm hình thức: Thân kiến, Biên kiến, Tà kiến, Kiến thủ kiến và Giới cấm thủ kiến.

*** Hai mươi món phiền não chi mật:**

1. **Phẫn:** Đối cảnh không vừa lòng, nổi cơn tức giận hay khởi ác tâm, biểu lộ qua hành động: đánh đập gây gộc. Chướng ngại tánh bất phẫn. Họ hàng dòng dõi của sân.
2. **Hận:** Phần nộ khí còn vương sót lại, ôm ác tâm không buông bỏ, thường kết oán cừ. Chướng ngại tánh bất hận.
3. **Phú:** Vì lợi dưỡng che dấu tội ác, lòng thường bị ray rức không an. Chướng ngại tánh cương trực bất phú. Họ hàng của tham.
4. **Nã:** Phần hận còn sót lại trong tâm, thường ray rứt nội tâm, đay nghiến ra thái độ. Chướng ngại tính vô nã. Họ hàng dòng dõi của sân.
5. **Tật:** Danh lợi muốn ôm hết về phần mình, không cho người khác có; ghét ai được có như mình, buồn lo ray rứt. Chướng ngại tính bất tật. Dòng họ nhà sân.
6. **Xan:** Keo kiệt pháp tài, không có tâm giúp đỡ, tích trữ, có tính đê hèn. Chướng ngại tính vô xan. Họ hàng dòng dõi của tham.
7. **Cuồng:** Vì danh dự lợi dưỡng, dối hiện đức độ, nguy trang hiện thiện để phỉnh gạt người. Tâm ôm chước quỷ, mưu mô, sống đời tà mạn. Họ hàng thân tộc tham và si.
8. **Siểm:** Nói tăng bốc, khen, nịnh hót để được lòng người, vụ lợi về mình, sống với tâm hôn ti tiện. Chướng ngại tính bất siểm. Dòng họ gia phả với tham và si.
9. **Hại:** Không có lòng thương xót chúng sinh hữu tình, ngược lại dụng tâm gây đau khổ, hay ôm lòng bức não. Chướng ngại tính bất hại. Dòng dõi họ hàng của sân.

10. **Kiêu:** Tự đắc, tự mãn với thành công của mình, thường ôm tính kên kiêu xen lẫn đau khổ cô đơn. Chướng tính vô kiêu. Họ hàng dòng dõi của tham.
11. **Vô tâm:** Bất cố liêm sĩ. Khinh cự hiền thiện. Làm điều ác không hồ lương tâm. Chướng ngại đức tâm.
12. **Vô quý:** Bất cố liêm sĩ. Khinh cự hiền thiện. Làm điều phi pháp bất thiện giữa bạch nhật thanh thiên, không đếm xỉa dư luận miệng thế, tăng trưởng hành vi tội lỗi. Chướng đức quý.
13. **Diệu cử:** Tâm đối cảnh dao động. Chướng xa ma Tha.
14. **Hôn trầm:** Tâm đối cảnh mờ mờ, nửa như mơ, nửa như thật. Chướng khinh an. Chướng cảnh sở quán (tỳ bát xá na)
15. **Bất tín:** Đối với **thực, đức, năng**, với tam bảo không vui nhận. Tâm uế nhiễm, nguyên nhân của đọa lạc. Chướng tâm thanh tịnh.
16. **Giải đãi:** Lười biếng việc đoạn ác, tu thiện. Nuôi dưỡng mầm nhiễm ô đọa lạc. Chướng đức tin tấn.
17. **Phóng dật:** Với pháp nhiệm, không lánh, không ngừa; với pháp tịnh, không để tâm tu tập. Buông xuôi thả lỏng tam nghiệp. Nguyên nhân của tăng ác, tổn thiện. Chướng bất phóng dật.
18. **Thất niệm:** Cảnh sở duyên không ghi nhận, không nhớ rõ. Làm trở ngại chánh niệm, làm cơ sở cho tán loạn phát sinh.
19. **Tán loạn:** Tâm tán duyên nhiều cảnh trong một lúc. Hậu quả của thất niệm. Chướng chánh niệm. Chướng tam ma bát đề và thiền na.
20. **Bất chánh tri:** Đối với cảnh sở quán hiểu không đúng. Di truyền của si còn trong huyết thống. Chướng chánh tri.

*** Bốn món bất định:**

1. **Hối:** Nhớ việc làm đã qua, không bằng lòng với việc làm đó sinh áy náy trong tâm; luận Đại thừa Bách pháp gọi là Ô tác. Chướng Xa ma tha.
2. **Miên:** Thân không tự tại, tâm không tỉnh táo. Chướng ngại chỉ, quán.
3. **Tâm:** Tìm kiếm khiến tâm lông bông, không điểm tựa, nghĩ đó, nghĩ đây....Chướng chỉ, quán.
4. **Từ:** Tìm kiếm trong sự hồi tưởng, cũng khiến tâm không điểm tựa nhưng trầm tĩnh hơn "Tâm". Chướng chỉ, quán.

YẾU LUẬN

Đọc năm mươi một Tâm sở, hiểu kỹ tám thức Tâm vương, ta có thể nói: **Duy thức học** là môn **Tâm lý học Phật giáo**, tưởng không có gì cần phải lý giải. Song **Tâm lý học Phật giáo** khác với Tâm lý học của trường phái, Tâm lý học xã hội, ở mục đích đến cũng như trên lộ trình đi. Mục đích đến của **Tâm lý học Phật giáo** là Bồ đề, Niết bàn, xa ma tha, tỳ bát xá na là lộ trình phương

tiền đề đi. Tâm lý học xã hội, chú trọng nghiên cứu hiện tượng sinh khởi của tâm để hy vọng đúc kết ra một "công thức" nào đó, hướng sự vui mừng, buồn giận, thương ghét...vào một khuôn khổ, một nề nếp, một qui ước của xã hội nào đó mà xã hội đó chấp nhận được. Thành quả tốt đỉnh cao của nó không vượt khỏi phạm vi lý tưởng: ăn, mặc, ở, ngủ....thờ, cho cuộc sống bình thường thậm chí tầm thường.

Tâm vương và Tâm sở, sự cấu tạo và tương quan của chúng, tương tự giống sự cấu tạo của một "triều đình". Tâm vương là "vua". Các loại Tâm sở là "quần thần". Quần thần có nhóm trung, nhóm nịnh, nhóm "ba phải", nhóm kẻ cận sát cánh hầu hạ đỡ đần. Tâm sở biến hành là loại kẻ cận đỡ đần sát cánh ấy. Tâm sở bất định thì ai biết được nó thuộc phe nào ! Loại Tâm sở thiện thì rõ là ích quốc lợi dân. Nhóm phiến nã dù đầu đảng hay lâu la ai cũng biết, đó là bọn khuyển gia đảo quốc.

Nhóm Tâm sở biệt cảnh chỉ là hạng cầm cờ chạy hiệu, có, thì "vải rách đỡ nóng tay"; không, cũng chẳng ảnh hưởng đến sự phê hưng tồn vong của một chế độ.

Nghiên cứu Duy thức luận ta thấy, "*Tâm sở hữu pháp*" quyết định hành vi tạo tác của con người.

Nghiên cứu Duy thức luận ta sẽ thấy "*Thân sở hữu pháp*" nhiều hơn con số 51 của Tâm sở hữu pháp ấy nhiều, chỉ có điều chưa ai có khả năng khoanh vùng "dục vọng" để tổng kê con số vật chất Thân Sở hữu mà con người yêu cầu "không biên giới" ấy. Là đệ tử Phật, nên lưu ý điểm này ! Hằng y tâm khởi, dữ tâm tương ưng, hệ thuộc ư tâm là nghiệp vụ của Tâm sở.

Do vậy, con người vui hay khổ, tùy thuộc có tỉnh thức, có chánh niệm, có quán chiếu nội tâm nhiều hay ít của chính mình.

BÀI THỨ SÁU

Hỏi: Những Tâm sở tương ứng với tiền lục thức

(Năng biến thứ ba) như thế đã hiểu rõ rồi, nhưng còn sự hiện hành sinh khởi của chúng đối với sáu thức ra sao ?

BÀI TỤNG DUY THỨC ĐÁP:

Phiên âm

Dịch nghĩa

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ:

* **Căn bản thức:** Tên khác của đệ bát thức. Căn bản thức đệ bát thức cũng tức A lại da...

* **Vô tướng thiên:** Người tu định vô tướng thuần thực, họ có sự an lạc của họ.

* **Hai định Vô tâm:**

1. **Vô tướng định:** Trong lúc nhập định, vận dụng pháp Xa ma tha thâm hậu, tiền lục thức vắng lặng không hoạt động.
2. **Diệt tận định:** Trong lúc nhập định tiền thất thức vắng bật không hiện hành.

YẾU LUẬN

Trong tám anh em một ả si
Một chàng lạnh lợi đáng kinh nghi
Năm em đon đả mời đưa khách
Quản lý gia cang một chị hiền

Tiền thất thức lúc hiện khởi cũng như lúc tiềm tàng hoàn toàn nương tựa đệ bát thức. Đệ bát thức có tên **căn bản thức**, vì là chỗ căn cứ, cơ sở nương tựa của Tiền thất thức; như nước là bản thể, chỗ y cứ mà hiện tượng sóng mồi bọt bóng được khởi sinh.

Tiền ngũ thức có thể sinh khởi cùng một lúc, nếu yếu tố sở duyên đầy đủ; cũng có thể sinh khởi một, hai hoặc ba....tùy yếu tố sở duyên hiện hữu, thuộc đối tượng của thức nào.

Đệ lục thức thì hiện hữu trong mọi thời. Bất cứ lúc nào, bất cứ thức nào trong năm thức sinh khởi, đều có sự hợp tác tham gia của ý thức. Danh từ **Ngũ câu ý thức** nói lên sự hợp tác tham gia đó.

..."Một chàng lạnh lợi đáng kinh nghi
Năm em đon đả mời đưa khách..."

"Năm em đon đả mời đưa khách": Nói rõ sự nhạy cảm của tiền ngũ thức, thường xuyên tiếp xúc với ngũ trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc) mà các thức còn lại không có được chức năng ấy.

"Một chàng lạnh lợi đáng kinh nghi". Chàng đệ lục thức lạnh lợi thật bởi vì: với thiện ác, vô ký ba tánh; với hiện lượng, tỷ lượng, phi lượng ba lượng; với tánh cảnh, đơi chất, độc ảnh ba cảnh, đệ lục thức đủ hết. Vì vậy, ý thức quả là:

"Một chàng lạnh lợi đáng kinh nghi !"

Dù lạnh lẽo trùm cả tám anh em, dù tâm cỡ hoạt động bao gồm ba tánh, ba lượng và ba cảnh nhưng đệ lục thức vẫn không hiện diện ở năm trường hợp: **Vô tướng thiên, Vô tướng định, Diệt tận định, ngũ không chiêm bao và chết ngất**. Trong khi đó đứa em gái thiệt thà và người chị hiền quản lý gia cang, lẽ đẽo có mặt khắp nơi trong tam giới !

BÀI THỨ BẢY

Hỏi: **Đã xác định vai trò của ba món**

Năng biến, đã xác định ngã chỉ là đối tượng sở biến

Vậy:

- Năng biến và sở biến đối với duy thức có hay không ?
- Nếu tất cả duy thức ngoại duyên không thực, tại sao hữu tình phân biệt triền miên ?
- Nếu là duy thức, vấn đề hữu tình sinh tử tương tục, được giải thích thế nào ?

BÀI TỤNG DUY THỨC ĐÁP:

Phiên âm

Thị chư thức chuyển biến
Phân biệt sở phân biệt
Do thử bỉ giai vô
Có nhất thiết duy thức

Do nhất thiết chủng thức
Nhu thị như thị biến
Dĩ triển chuyển lực cố
Bỉ bỉ phân biệt sanh

Do chư nghiệp tập khí
Nhị thủ tập khí câu
Tiền dị thực ký tận
Phục sanh dư dị thực

Dịch nghĩa

* Do tám thức chuyển biến
Phân biệt sở phân biệt
Cả năng sở đều không
Xác định: rằng duy thức

* Do nhất thiết chủng thức
Biến *như vậy...như vậy...*
Và do lực biến chuyển (vận động)
Hiện tượng vô vàn sinh

*Do tập khí của *nghiệp*
Và *tập khí hai thủ*
Dị thực trước vừa dứt
Tái hiện *dị thực* sau

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ:

* *Như vậy*: Dịch chữ *Nhu thị*. Trong Phật giáo có danh từ "*Nhu thị*", dùng trong lúc nói đến sự nhiệm mầu mà không gian không thể hình dung, thời gian không diễn đạt rõ, văn tự miêu tả không đến, ngôn ngữ lý giải không cùng.

* *Nghiệp*: Hành vi của con người thường xuyên liên tục biểu hiện trong đời sống. Nghiệp biểu hiện qua thân, khẩu, ý gọi là tam nghiệp.

* *Tập khí*: Thói quen trong công việc làm, huân tập thành chủng tử. Từ chủng tử có điều kiện sinh khởi hiện hành.

* *Hai thủ*: Hai thứ chấp thủ, ôm chặt khu khu không cởi mở được.

1. **Kiến thủ**: Chấp ngã bên con người, ngã của tự thân.

2. **Tướng thủ:** Chấp ngã bên vạn pháp, ngã của ngoại cảnh.

Dị thực: (Xem lại bài [Năng biến thứ nhất](#)) Chữ Dị thực ở đây chỉ cho sinh mạng, vì sinh mạng là sự kết trái của một dòng nhân quả: Dị thời, Dị biến, Dị loại nhi thực.

YẾU LUẬN

*** Năng phân biệt, sở phân biệt đều là sản phẩm của thức:**

"*Thị chư thức chuyển biến*". Chữ "**thị**" chỉ cho tám thức tâm vương là "năng phân biệt", "Sở phân biệt" là "**Tướng ngã**", đối tượng chấp. Chấp **ngã** ở vạn pháp cũng như chấp **ngã** ở con người, hoàn toàn do sự chuyển hướng của các thức, hướng đến một lối chấp sai lầm, rồi tự "biến" ra cái chấp: **Ngã**. Theo lập trường của Duy thức học, trong vạn pháp đối tượng sở biến không có **ngã**. Trong con người, bát thức Tâm vương là một tổng hợp của con người cũng không có **ngã**. Do vậy, cái nhìn của Duy thức học thấy rõ và xác định rằng: Năng phân biệt, sở phân biệt hay năng biến, sở biến không có **ngã**. Thế mà người đời chấp có **ngã**, thì cái **ngã** đó **duy thức** của họ tự biến rồi tự chấp mà thôi.

*** Hiện tượng vạn pháp tồn tại khách quan. Đó là kết quả của chân lý duyên sinh, chuyển biến trong nhất thiết chủng thức.**

Không vì chấp **ngã** mà hiện tượng vạn pháp sinh. Không vì không chấp **ngã** mà hiện tượng vạn pháp không hiện hữu và tồn tại.

Nhất thiết chủng thức, "Sở tàng", nó vừa là nguyên nhân để duyên sinh sự vật, vừa là kết quả, hình thành chính thể vô vàn sự vật, vạn tượng sum la trước mắt.

Chủng tử vạn pháp thì vô vàn, tựu trung có những chất liệu:

1. Một, thể lưu ngại, có tính rắn chắc giống như đất, gọi là "**địa đại**"
2. Hai, thể lưu nhuận, tính lỏng, giống như nước, gọi là "**thủy đại**"
3. Ba, thể viêm nhiệt, tính nóng, giống như lửa, gọi là "**hỏa đại**"
4. Bốn, thể phiêu động, tính chuyển động, giống như gió, gọi là "**phong đại**"
5. Năm, thể rỗng không, tính rỗng như hư không, gọi là "**không đại**"

Năm đại này là những yếu tố hình thành khoáng vật, thực vật và những gì thuộc vật chất. Ngoài ra, còn hai "đại" thuộc loại siêu văn tự ngữ ngôn, siêu

tư duy phân biệt bình thường. Duy thức học gọi "**Bất khả tri**". Đó là "**Kiến đại**" và "**Thức đại**". Con người nhận thức sự hiện hữu của Kiến đại và Thức đại qua: (Hữu tác dụng pháp, Hiện thọ dụng pháp và Hiện sở tri pháp), công năng nhận thức và công năng thọ dụng trong cuộc sống hằng ngày; rồi mệnh danh đó là **thức**, là **tâm** hoặc cũng gọi đó là **tinh thần**.

Bây chất liệu đó, vận động chuyển biến, phân giải, hóa hợp không sát na ngừng trụ theo qui luật riêng của nó là: **đồng** và **dị**. Nó vừa hằng vừa chuyển trong thức Nhất thiết chủng. Sự vận động chuyển biến, phân giải, hóa hợp, tác động qua lại với nhau, duyên khởi hình thành từng chính thể của hiện tượng vạn pháp bằng nhận thức tư duy hữu hạn, con người không thể biết được. Kinh điển Phật giáo thường dùng từ "**Như thị**" hoặc "**Như thị, Như thị**" để chỉ sự vận động chuyển biến nhiệm mầu đó.

Vạn pháp là sản phẩm duyên sinh từ Nhất thiết chủng thức, con người cũng là sản phẩm duyên sinh như vậy; khác nhau ở điểm, con người hữu tình, có "tinh thức" để nhận thức sự vật và nhận thức cả chính mình. Vạn pháp là vô tình, chỉ là "sở phân biệt", đối tượng bị nhận thức của con người.

Tóm lại, chủng tử của vạn pháp từ Nhất thiết chủng thức chuyển biến một cách nhiệm mầu mà hình thành hai loại **chúng sinh**:

1. Một, **Hữu tình chúng sinh**, thuộc thành phần "năng phân biệt", có khả năng nhận thức chấp "**ngã**" bên hiện tượng vạn pháp, đồng thời cũng chấp "**ngã**" của chính mình.
2. Hai, **Vô tình chúng sinh**, sơn hà đại địa sum la vạn tượng, là đối tượng "sở chấp" "sở phân biệt" của thành phần "năng chấp" ấy. Do vậy, Hữu tình chúng sinh không có **ngã**, Vô tình chúng sinh cũng không có **ngã**. "**Ngã**", chỉ là "ức thuyết", sản phẩm của Duy thức "biến" mà thôi !

*** Sự sinh tử tương tục của hữu tình và chân lý không có ngoại lệ.**

Bằng cái thấy của Phật nhãn, vũ trụ: thành, trụ, hoại, không; tuy là hy hữu nhưng là chuyện phải có. Sự vật trên cõi đời: sinh, trụ, dị, diệt là chuyện tất nhiên. Với con người hữu tình: sinh, lão, bệnh, tử....tương tục là bình thường, vì sự diệt sinh, sinh diệt với các pháp hữu vi là qui luật tất yếu, tất nhiên của vũ trụ vạn hữu. Đạo Phật gọi đó là chân lý vì lẽ thật đó không có một thế lực nào làm cho khác hơn được.

Chủng tử của vạn pháp trong Thức Nhất thiết chủng chuyển biến và duyên sinh theo một trật tự, một qui luật tự nhiên. **Đồng chủng tương hợp, dị**

chủng tương xích. Đồng tính tương cự, dị tính tương hấp. Đồng năng tương bội, dị năng tương đễ. Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu.

Hiện tượng vạn vật duyên sinh dựa trên nguyên tắc **Đồng dị**, từ khi khởi điểm đến lúc hình thành một chỉnh thể nào đó, đều tuân theo quá trình **Nhân quả** tuyệt đối của **Dị thực thức**. Đó là **Dị thời, dị biến** và **dị loại nhi thực**. Do vậy, quan sát hiện tượng vạn pháp ta không tìm thấy một sự vật nào tồn sinh mà vượt ra luật **nhân quả**. Luật **nhân quả** bao trùm vũ trụ nhân sinh, hữu tình, vô tình đều nằm gọn, đồng thọ dụng một **chân lý** ấy. Tuy nhiên, nếu nhìn sâu vào bản chất di truyền "tương tục" của vạn pháp trong Dị thực thức, người ta có thể thấy:

- Khoáng vật di truyền tương tục bằng **chất**.
- Thực vật di truyền tương tục bằng **gen**.
- Động vật thứ cấp và hạ cấp di truyền tương tục bằng **gen**.
- Động vật, hữu tình cao cấp như con người sinh tử tương tục di truyền bằng **nghiệp**.

Nghiệp là công việc làm thường xuyên liên tục của hữu tình nào đó. Việc làm hoặc là một nghề để sinh sống hoặc là một sở thích. Việc làm lợi mình, lợi người gọi là Thiện nghiệp. Việc làm hại người, hại mình gọi là Ác nghiệp. Thân, khẩu, ý con người là cơ sở phát sinh và biểu lộ Thiện nghiệp hay Ác nghiệp. Nếu có chánh niệm, mọi người có thể kiểm soát được nghiệp lực của chính mình và tự mình có thể chuyển hóa nó theo ý nguyện của **dị thực** hiện tại và **dị thực** tương lai.

Tập khí là thói quen. Tập khí và nghiệp làm nhân quả tác động qua lại cho nhau. Trong cuộc sống hằng ngày "việc làm" (nghiệp) của ta là thiện, nó sẽ thành "thói quen" (tập khí) không làm ác được. Đã có "thói quen" không làm ác thì việc làm ấy đương nhiên là thiện. Việc làm, làm nhiều, làm mãi thành thói quen, thói quen cứ quen như thế mà làm mãi làm hoài. Trung gian giữa nghiệp và tập khí huân tập thành chủng tử (hạt giống) được A lại da thức chứa đựng. Từ đó, chủng tử sinh khởi nghiệp. Nghiệp sinh tập khí. Tập khí và nghiệp huân tập thành chủng tử mới. Cái vòng tròn: sinh diệt, diệt sinh. Cộng thêm tập khí, chủng tử và nghiệp của hai món năng thủ và sở thủ biến thành một lực hấp dẫn, một "thế giới từ trường" của "dẫn nghiệp" và "mãn nghiệp", cho "**Tiền dị thực**" và "**Hậu dị thực**"

Tóm lại, đời người là một **dị thực quả** của một chu kỳ nhân quả. **Chủng tử** thiện hay ác, biểu hiện **nghiệp** và **tập khí**. Thiện hay ác, là yếu tố mới để hình thành một **dị thực** sau, một chu kỳ nhân quả kế tiếp....

BÀI THỨ TÁM

Hỏi: Nếu tất cả Duy thức thì có gì đức Thế Tôn đề cập *Tam tự tánh* ở kinh Lăng già ? Mâu thuẫn đó giải quyết như thế nào ?

BÀI TỤNG DUY THỨC ĐÁP:

Phiên âm

Do bị bi biến kế
Biến kế chủng chủng vật
Thử biến kế sở chấp
Tự tánh vô sở hữu

Y tha khởi tự tánh
Phân biệt duyên sở sanh
Viên thành thật ư bị
Thường viễn ly tiền tánh

Cố thử dữ y tha
Phi dị phi bất dị
Như vô thường đẳng tánh
Phi bất kiến thử bị

Dịch nghĩa

*Do mọi người *biến kế*
Biến kế đủ thứ vật
Tính *biến kế chấp* này
Nó không có *tự tính*

*Tự tính *y tha khởi*
Kết hợp duyên mà sinh
Tự tính *viên thành thật*
Hằng viễn ly tánh trước

*Tính viên thành và y tha
Khác mà không phải khác
Như tính vô thường, vô ngã
Hiểu lệch mắt cả hai

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ:

* *Biến kế:*

Biến: Phổ biến, thông thường, phổ cập...

Kế: Tính toán, so đo, xét nét, nghĩ ngợi

* *Biến kế sở chấp tự tính:* Kiến chấp phổ biến trong đại đa số quần chúng. Lối chấp không có sự thật, không hợp chân lý.

* *Y tha khởi tự tính:* Nói đủ: "Y tha duyên nhi sinh khởi". Nương nhiều nhân duyên, nhiều yếu tố mà hình thành một chỉnh thể của một sự vật. Sự vật đó không có tính độc lập tự sinh.

- *Viên thành thực tính:* Khi nhận thức rõ, không còn lầm lẫn đối với *tính y tha khởi*; loại trừ tính chấp biến kế sai lầm, ngay nơi đó là: *tự tính duyên thành thực*.

YẾU LUẬN

Đức Thế Tôn đề cập *Tam tự tính*, nhưng Đức Thế Tôn không chủ trương có một tự tính nào.

Tự tính biến kế sở chấp do sự chấp nê sai lầm phổ biến của con người. Sự chấp nê sai lầm của nhiều người gọi là tính biến kế sở chấp.

Hiện tượng vạn pháp không có pháp nào có tính độc lập tự sinh mà phải nương gá nhiều duyên khác, tức là nhiều yếu tố hợp lại mới cấu tạo sinh ra một vật. Vì vậy, tính chất của sự vật hiện tượng được gọi là *y tha khởi tính*, thực chất chẳng có gì.

Sự thực hiện tượng vạn pháp là "*duyên sinh*". Sự thực hiện tượng vạn pháp là "*Vô ngã*". Hiểu đúng chân lý thì ngay nơi đó có được: *Tự tính viên thành thực*. Vì vậy, đức Thế Tôn đề cập *Tam tự tính* mà không có *tự tính* nào của Thế Tôn nói.

Tìm hiểu tính biến kế của con người qua bát thức tâm vương ta thấy:

- Thức A lại da, *biến* mà không *kế*, nghĩa là nó thường xuyên hiện hữu trong đời sống con người nhưng nó không có công năng tính toán so đo trong việc "chấp nê" dù sai hay đúng.

- Thức Mạt na vừa **biến** vừa **kế**, nghĩa là Mạt na cũng thường xuyên hiện hữu cùng với A lại da nên gọi là **biến** và nó có công năng "**chấp ngã**" trường kỳ nên gọi là **kế**; bởi tính của nó là "tự lương".

"Tự lương vì tính tướng"

"Tự phiền não thường câu".

- Đệ lục thức, **kế** mà không **biến**, nghĩa là đệ lục thức về mặt so đo tính toán "chấp nê" thì không có thức nào bằng, đó là **kế**; nhưng trong sinh hoạt con người có năm trường hợp ý thức vắng mặt. Vì vậy, ý thức không **biến** mà **chỉ có kế**.
- Tiền ngũ thức, không **biến** cũng không **kế**, bởi vì tiền ngũ thức hiện khởi tùy thuộc vào cảnh duyên, có cảnh duyên mới sinh khởi; không có cảnh duyên không sinh khởi được. Tiền ngũ thức không có tính liên tục thường xuyên cho nên không **biến** và chỉ có hiện lượng cho nên cũng không **kế**.

Do vậy, Biến kế sở chấp tự tính chỉ là tính chấp sai lầm của bát thức tâm vương không hề có tự tính !

Sự tương quan gắn bó giữa tự tính Y tha khởi và tự tính Viên thành thực cũng giống như sự gắn bó tương quan của chân lý **vô thường** và **vô ngã**. Nếu không có tính Y tha khởi hẳn không có tính Viên thành thực. Tính Viên thành thực có, do nhận thức đúng tính Y tha khởi .

Chân lý **vô thường** đúng vì bản chất vạn pháp **vô ngã**. Bản chất vạn pháp **vô ngã** cho nên biểu hiện ra chân lý **vô thường**: sinh, trụ, di, diệt....

Tính Y tha khởi và tính Viên thành thực khác, mà không phải có hai tính. Người nghiên cứu Duy thức phải tư duy như vậy, bằng không, tìm tòi hy vọng một tính Viên thành thực ở chân trời góc biển hay ở thế giới mộng lung....cũng không bao giờ có. Chẳng những tìm không có tính Viên thành thực mà cũng đánh mất cái tính Y tha khởi của vạn pháp.

Tóm lại, nhìn bên tục đế, **tự tính Y tha khởi**, Thế Tôn cũng không phủ nhận, mà đó là một chân lý.

Hiểu sai chân lý ấy, Thế Tôn bảo đó là tính **biến kế sở chấp** của mọi người.

Hiểu đúng chân lý ấy, Thế Tôn dạy: Được ! Đây là **viên thành thực tính**, đây !

Thế cho nên, Thế Tôn đề cập *Tam tự tánh*, kỳ thực Thế Tôn có nói tính nào đâu !

BÀI THỨ CHÍN

Hỏi: Đức Thế Tôn đã đề cập ba tự tính rồi. Có gì Thế Tôn lại dạy: tất cả pháp đều không tự tính ?

BÀI TỤNG DUY THỨC ĐÁP:

Phiên âm

Tức y thức tam tánh
Lập bỉ tam vô tánh
Cổ Phật mật ý thuyết
Nhất thiết pháp vô tánh

Sơ tức tướng vô tánh
Thứ vô tự nhiên tánh
Hậu do viễn ly tiền
Sở chấp ngã pháp tánh

Thử chư pháp thắng nghĩa
Diệc tức thị chân như
Thường như kỳ tánh cố
Tức duy thức thật tánh

Dịch nghĩa

*Chỉ vì ba tự tính
Chỉ ra ba vô tính
Mật ý của Phật nói
Tất cả pháp vô tính

*Một *hiện tướng, vô tính*
Hai tính *tự nhiên, vô tính*
Ba *tính viễn ly, biến kế*
Và tính chấp ngã, vô tính

*Đấy **thắng nghĩa** các pháp
Đấy chính là **chân như**
Vì nó hằng như như
Đấy thực tính duy thức

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

- * **Hiện tượng vô tính**: Biên kế sở chấp, vô tính.
- * **Tự nhiên vô tính**: Y tha khởi, vô tính
- * **Tính viễn ly biến kế**: Viên thành thật, vô tính.
- * **Thắng nghĩa**: Nghĩa rốt ráo cũng gọi là liễu nghĩa.
- * **Chân như**: Chân lý bất di bất dịch của vũ trụ khách quan.

YẾU LUẬN

Như ta đã biết, Đức Thế Tôn đề cập **Tam tự tính** kỳ thực không có cái "tự tính" nào của Đức Thế Tôn nói ra. Ba "tự tính" ấy chỉ là kết quả của sự hiểu biết sai lầm, ý thức chấp **ngã**, trước vạn pháp vốn dĩ **vô ngã**. Đức Thế Tôn không nói có **Tam tự tính** như vậy.

"Tất cả pháp không tự tính". Đây mới là then chốt, lập trường, là tôn chỉ của toàn bộ giáo lý Phật.

Hiện tượng vạn pháp "**vô tính**" vì thực tướng của vạn pháp là "**vô tướng**".

Tự nhiên tính "**vô tính**" vì trên cõi đời không có cái gì "tự nhiên" mà có. Y tha khởi tính tự nó nói lên rằng nó "không phải tự nhiên" rồi !

Viên thành thực tính "**vô tính**", **viên thành thực**, chỉ là kết quả của sự "viễn ly". Viễn ly tính "biến kế", viễn ly tính chấp **ngã** mà có được tên ấy.

- Tất cả pháp không "**tự tính**" là giáo nghĩa thù thắng.
- Tất cả pháp không "**tự tính**" là chân như của vạn pháp.
- Tất cả pháp không "**tự tính**" là tính thường như của vạn pháp.
- Tất cả pháp không "**tự tính**", hiểu như thế là thể nhập "thực tính Duy thức" rồi vậy.

BÀI THỨ MƯỜI

Hỏi: **Đã thành lập Duy thức tướng và Duy thức tính rồi**

- Tiến trình tu tập của hành giả tu Duy thức có bao nhiêu giai đoạn và địa vị?
- Sự chứng ngộ Duy thức dùng phương tiện gì làm tiêu chuẩn để nhận biết?

BÀI TỤNG DUY THỨC ĐÁP:

Từ khi:

Phiên âm

Nãi chí vị khởi thức
Cầu trụ duy thức tánh
Ư *nhị thủ* tùy miên
Du vị năng phục diệt

Hiện tiền lập thiểu vật
Vị thị duy thức tánh
Dĩ hữu sở đắc cố
Phi thật trụ duy thức

Nhược thời ư sở duyên
Trí đô vô sở đắc
Nhĩ thời trụ duy thức
Ly nhị thủ tướng cố

Vô đắc bất tư nghi
Thị xuất thế gian trí
Xả nhị thô trọng cố
Tiện chứng đắc chuyển y

Thử tức vô lậu giới
Bất tư nghi thiện thường
An lạc giải thoát thân
Đại mâu ni danh pháp

Dịch nghĩa

*Khởi tâm tu duy thức
Cầu trụ **duy thức tánh**
Hai thủ ngủ im lìm
Chưa diệt trừ chinh phục

*Được phần ít nhẹ nhàng
Cho là chứng duy thức
Vì còn thấy có được
Chưa thực trụ duy thức

*Chùng nào cảnh sở duyên
Tâm không hề sở đắc
Trụ duy thức là đây
Bởi hai thủ xa rời

*Thanh thoát vượt nghi bần
Đấy! Trí xuất thế gian!
Viễn ly **hai thô trọng**
Thọ dụng quả **chuyển y**

*Đây cảnh giới vô lậu
Bất tư nghi, thiện, thường
An lạc, giải thoát thân
Cõi pháp thân, tịch mặc

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ:

* **Duy thức tánh**: Thực tánh của Duy thức. Đây là cảnh giới của con người xa lìa "biên kế sở chấp", xa lìa "năng thủ" "sở thủ", xa lìa tính "sở đắc" và quả "sở chứng". Nói cách khác, an trụ **duy thức tánh**, tức là thể nhập cảnh giới "tịch diệt Niết bàn"

* **Nhị thủ**: Hai món thủ:

1. Năng thủ: Chấp ngã bên con người.
2. Sở thủ: Chấp ngã bên hiện tượng vạn pháp.

* **Hai thô trọng**:

1. **Sở tri chướng**: Sở tri chướng cũng gọi "**trí chướng**". Một thứ tri thức hữu hạn; thứ trí này chỉ có khả năng hiểu biết "tục đế" những gì thuộc về

"thế gian pháp". Nó trở ngại con đường tiến triển đến: **Nhất thiết trí, tự nhiên trí, vô sự trí** và **nhất thiết chủng trí** của quả **vô thượng bồ đề**.

2. **Phiền não chướng**: Căn bản phiền não, chi mặt phiền não...những thứ phiền não ấy che chướng làm trở ngại sự thể nhập Niết bàn mà đáng lý mọi người ai cũng có phần được thể nhập.

* **Chuyển y**: Dựa trên hai thứ chướng mà chuyển hóa.

1. Phiền não chướng, chuyển thành Niết bàn.
2. Sở tri chướng, chuyển thành Bồ đề.

YẾU LUẬN

Đứng bên mặt chân đế **Pháp tánh không tuệ học**, mà đề cập vấn đề **chứng đắc** tức thì bị quở trách ngay: Rằng "chưa được vào nhà!". Bên mặt tục đế, phương tiện, vận dụng văn tự, ngôn thuyết, hướng dẫn hành giả phát tâm tu **Duy thức quán** theo một tiến trình tạm chia năm giai đoạn với năm địa vị:

1. Tư lương vị
2. Gia hạnh vị
3. Thông đạt vị
4. Tu tập vị
5. Cứu cánh vị

Từ bài tụng thứ nhất cho đến bài tụng thứ hai mươi lăm, trình bày về lý do có mặt của Duy Thức Học, yếu tố hình thành của Duy Thức Học, đối tượng nghiên cứu của Duy Thức Học và hướng dẫn cách nhận thức để giải quyết những mắc mứu của con người theo quan điểm lập trường của Duy Thức Học.

Sự có mặt của Duy Thức Học, nhằm chỉ rõ tính vô ngã của con người và tính vô ngã của hiện tượng vạn pháp, xác định chân lý "**Duyên sinh**" và chân lý "**Vô ngã**" trong Phật giáo.

Yếu tố hình thành Duy Thức Học là chỉ rõ sự nhận thức phi chân lý, sự "ức thuyết" của ai đó hay nói rõ hơn là sự ảo tưởng hoang đường, phát xuất từ những bộ óc non nớt yếu mềm, mê tín dị đoan; những nhận thức đó tác động tâm tưởng con người thông qua **Bát thức tâm vương** và biểu hiện hoặc trừu tượng ở tư duy hoặc cụ thể ở hành động như: thờ phượng, cúng lạy, van xin....với những chức danh, địa vị không bao giờ có trong sự thực.

Đối tượng nghiên cứu của Duy Thức Học là hiện tượng vạn pháp, nên nhớ mỗi con người nói riêng, mỗi động vật nói chung, cũng là một pháp trong hiện tượng vạn pháp. Duy Thức Học chỉ rõ: **Rằng: *Vạn pháp vô ngã.***

Duy Thức Học giải quyết những thắc mắc, đau khổ ngàn đời của con người. Duy Thức Học đã vạch ra rằng:

- Hiện tượng vạn pháp "***Duyên sinh***" tồn tại khách quan
- Vạn pháp ***Vô thường*** và ***Vô ngã.***
- Sinh, lão, bệnh, tử là việc bình thường.
- Sinh, trụ, di, diệt là việc bình thường.
- Thành, trụ, hoại, không cũng là việc bình thường.

Người muốn có an lạc, tránh lo âu sợ hãi phi lý cần tu học Duy Thức, đi sâu vào Duy Thức Quán ngộ hầu thấy rõ chân lý ***Vạn pháp duy thức.***

Trong quá trình triển khai điều lý để thành lập ***duy thức***, người ta gọi đó là ***Duy thức cảnh.*** Tức là dựa trên bối cảnh thực tiễn của con người và sự vật hiện hữu để thành lập Điều lý Duy thức.

Từ bài tụng thứ hai mươi lăm đến bài tụng thứ ba mươi, trình bày năm địa vị trên con đường tiến tu ***Duy thức quán.*** Năm địa vị đó là:

Một, ***Tư lương vị,*** tư lương có nghĩa chuẩn bị lương phạn, sắp xếp hành lý cho một cuộc hành trình tiến tu ***Duy thức quán.***

"Khởi tâm tu duy thức"

"Cầu trụ ***duy thức tánh***"

"Hai thủ ngũ im lìm"

"Chưa diệt trừ chình phục"

Trụ Duy Thức Tánh là mục đích đến. Trụ Duy Thức Tánh là khi nào tâm của hành giả chế ngự và diệt trừ hoàn toàn hai món thủ. Hai món thủ là đối tượng sở quán, nó luôn luôn là đối thủ đương đầu của người tu Duy Thức Quán. Thế lực của hai đối thủ còn mạnh mẽ chứng tỏ cái ***Ngã tướng*** trong con người chưa chiết phục mà chỉ ngừng sinh hoạt như một giấc ngủ im sau đó nó sẽ "thức dậy".

Địa vị ***Tư lương,*** kinh điển Phật thường chia thành ba bậc: ***Trụ, Hạnh*** và ***Hướng.***

Trụ: là địa vị chỉ những người đã từng gieo trồng hạt giống Phật, có khả năng **trụ** nơi đất Phật để sinh trưởng phước đức trí tuệ của mình.

TRỤ có *mười địa vị* mà một hành giả lần lượt phải trải qua:

1. **Phát tâm trụ:** Phát tâm khởi tu.
2. **Tri địa trụ:** Sửa trị tâm địa trong sạch, bằng thẳng như trang đất gieo mạ.
3. **Tu hành trụ:** Do sửa trị tâm thanh tịnh mà du hành tự tại, không bị chướng ngại.
4. **Sinh quý trụ:** Trụ đất Phật, được thọ dụng phần khinh an giải thoát.
5. **Phương tiện cụ túc trụ:** Tự lợi, tha lợi đủ duyên, thực hiện tốt không gì trở ngại, tướng mạo khởi sắc quang minh.
6. **Chính tâm trụ:** Tướng mạo quang minh rồi, nội tâm chân chính gần đồng như Phật.
7. **Bất thời trụ:** Thân tâm tương hợp, ngày ngày chỉ có tăng tiến đi sâu vào chánh quán *Duy thức*.
8. **Đồng chân trụ:** Có được những đức tướng tốt của Phật có.
9. **Pháp vương tử trụ:** Đến đây được xem như con đấng Pháp vương *Xuất thai*, một hoàng tử chào đời (từ sơ phát tâm đến *sinh quý*, đệ tứ trụ gọi là nhập thánh thai. Từ đệ ngũ đến bát trụ gọi "trưởng dưỡng thánh thai". Pháp vương tử **trụ** là *xuất thai* vậy).
10. **Quán đỉnh trụ:** Con vua trưởng thành được làm lễ: Lấy nước bốn biển mà gội đầu (quán đỉnh). Bồ tát có khả năng thừa hành Phật sự được Phật rưới nước trí tuệ lên đầu....

HẠNH có *mười địa vị*:

1. **Hoan hỷ hạnh:** Là Bồ tát, đệ tử Phật, phải học hạnh Phật hoan hỷ tùy thuận khắp nơi nơi.
2. **Nhiêu ích hạnh:** Luôn luôn làm lợi ích chúng sanh.
3. **Vô sân hận hạnh:** Thực hiện đức tính tự giác, giác tha, không còn trở ngại bất như ý..
4. **Vô tận hạnh:** Thực hiện hạnh lợi tha bình đẳng khắp nơi và mọi lúc không hề nhàm mỏi.
5. **Ly si loạn hạnh:** Pháp môn tu học vô lượng, có trí tuệ tổng hợp mà sự nhận thức không hề lầm lẫn.

6. **Thiện hiện hạnh:** Vì được vô si loạn cho nên ở đồng hiện di, ở di hiện đồng. Đồng di viên dung không trở ngại.
7. **Vô trước hạnh:** Mười phương hư không có bao nhiêu vi trần, mỗi vi trần hiện mười phương thế giới, vậy mà vi trần và thế giới không trở ngại gì nhau.
8. **Tôn trọng hạnh:** Pháp lực tu hành thâm chứng chân lý từ địa vị thứ nhất đến đây do sức quán chiếu Bát nhã mà được, cho nên địa vị này đặc biệt tôn trọng Bát nhã độ trong lục độ.
9. **Thiện pháp hạnh:** Công đức viên dung, có thể thành tựu khuôn pháp mẫu mực như chư Phật mười phương.
10. **Chân thực hạnh:** Do quá trình vượt qua chín giai đoạn, đức tướng trí tuệ viên dung, mỗi mỗi đều thanh tịnh vô lậu, bấy giờ trở thành tánh **Nhất chân** hằng hữu.

HỒI HUỐNG: Đem tâm đại bi cứu hộ tất cả chúng sinh. Hồi hướng có *mười* địa vị:

1. **Cứu hộ nhất thiết chúng sinh, ly chúng sinh tướng:** Cứu hộ tất cả chúng sinh mà không thấy có tướng chúng sinh.
2. **Bất hoại hồi hướng:** Tâm vì chúng sanh, cứu hộ kiên cố không thôi thối.
3. **Đẳng nhất thiết vật hồi hướng:** Nhìn tất cả mọi người không phân biệt màu da, chủng tộc và ngôn ngữ đều bình đẳng.
4. **Chỉ nhất thiết xứ hồi hướng:** Tùy theo căn cơ, cứu hộ cho ai thì đưa họ đến nơi đến chốn.
5. **Vô tận công đức tạng hồi hướng:** Kho tàng công đức vô tận, đem hết ra, tùy cơ cứu hộ chúng sanh.
6. **Tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi hướng:** Tùy thuận thiện căn của chúng sinh, giáo hóa cứu hộ bình đẳng.
7. **Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sinh hồi hướng:** Quán chúng sinh bình đẳng, tùy thuận căn tánh cứu hộ bình đẳng.
8. **Chân như tướng hồi hướng:** Nhìn tất cả vạn pháp hữu tình, vô tình, cùng một bản thể chân như, dẫn dắt cho mọi người trở về bản thể chân như ấy.
9. **Vô phược giải thoát hồi hướng:** Chỉ dạy cho chúng sinh biết, mọi người không có ai bị trói cũng chẳng có ai được mở trói, trói hay mở do chính mình.
10. **Pháp giới vô lượng hồi hướng:** Dạy cho mọi người biết, pháp giới vô lượng thì chúng sinh cũng vô lượng như vậy. Chư Phật cũng vô lượng.

Ba mươi địa vị *tư lương* gọi chung: **Tam tư lương.**

Kinh điển thường gọi: **Bồ tát địa tiên**. Sở dĩ có cái từ ấy, vì kinh điển lấy địa vị **thập địa** làm chuẩn để ấn định phước đức, trí tuệ trên bước đường tu tập. Do đó, **Thập địa Bồ tát**, được cho cái tên: **Tu tập vị**.

"Được phần ít nhẹ nhàng
Cho là chứng duy thức
Vì còn thấy có được
Chưa thực trụ duy thức"

Đó là bài tụng nói về thành quả của địa vị Gia hạnh.
Được cái tên **Gia hạnh vị**, đã nói lên địa vị này có gia công tu hành và có kết quả an lạc. Dù có tu hành tốt, dù có an lạc mà còn "chấp": Năng hành, sở hành, năng chứng, sở chứng, thì đạo hạnh chưa "siêu". Cho nên chỉ là **Gia hạnh vị** mà thôi !

Gia hạnh vị thường lấy bốn pháp ám dụ để nhận xét theo dõi bước tiến tu của mình:

1. **Noãn**: Sự tu hành phải liên tục như gà ấp trứng, không được bỏ ỏ.
2. **Đảnh**: Trí tuệ mỗi ngày phải được sáng tỏ thêm mãi, như người leo núi nhìn cảnh vật chung quanh.
3. **Nhẫn**: Đích thực thâm ngộ chân lý: **Vô ngã, vô thường, khổ, không, bất tịnh** của hiện tượng vạn pháp.
4. **Thế đệ nhất**: Do đích thực thấy chân lý, Kiến tư hoặc không còn nhiều đoạn tâm tính.

Quá trình tu tập từ sơ phát tâm đến thành tựu Vô thượng Bồ đề, trải qua ba A tăng kỳ kiếp. Năm địa vị tu **Duy thức quán**, "Tam tư lương", "Tứ gia hạnh" là những người thành tựu công quả trong **Đệ nhất A tăng kỳ**.

"Chừng nào cảnh sở duyên
Tâm không hề sở đắc
Trụ duy thức là đây
Bởi hai thứ xa rời"

Bài tụng này là tiêu chuẩn của hạng người **Thông đạt vị**. "Thông đạt" có nghĩa là nhận hiểu chân lý không còn khó khăn nữa. Đối cảnh "sở duyên" tâm

không "sở đắc" đã biểu hiện tính "năng, sở song vong" của con người thông đạt chân lý.

"Trần chẳng tương quan biến rộng non cao tùy thay đổi
"Tâm không sở đắc tùng xanh mây trắng tự vui nhàn"

"Thanh thoát vượt nghĩ bàn
Đây! Trí xuất thế gian !
Viễn ly **hai thô trọng**
Thọ dụng quả **chuyển y**"

Đó là trạng thái của người thực học và thực tu. Người thực học, thực tu họ thọ dụng sự an lành, thanh thoát, tự tại, thông dong ngay trên cõi đời mà mọi người thấy là **Ngũ trước**. Đây là kết quả của địa vị có cái tên nghe "nhẹ hều": **Tu tập**.

Trọng tâm then chốt của địa vị **tu tập** là "**vô đắc**". Đây là một tinh thần rỗng rang bằng bạc, một ý niệm buông xả hoàn toàn, một hành trạng tâm cảnh như như và năng sở tịch diệt. Nếu không phải trí xuất thế gian hẳn không làm được những điều "**Vô đắc**" siêu phàm như vậy.

Đến địa vị **tu tập**, xả bỏ hết hai món thô trọng: chuyển **sở tri chướng** thành **Vô thượng Bồ đề**; chuyển **phiền não chướng** thành **Vô thượng Niết bàn**.

Làm được việc đó một Bồ tát phải trải qua mười giai đoạn, được gọi là mười địa vị như sau:

1. Hoan hỉ địa
2. Ly cấu địa
3. Diệm huệ địa
4. Phát quang địa
5. Nan thắng địa
6. Hiện tiền địa
7. Viễn hành địa
8. Bất động địa
9. Thiện huệ địa
10. Pháp vân địa

Nhập tâm của Hoan hỉ địa, vị **Thông đạt** ở vào giai đoạn này. Từ trụ tâm của Hoan hỉ địa cho đến xuất tâm của Pháp vân địa, gọi là **Tu tập vị**.

Từ Hoan hỉ địa thứ nhất đến Viên hành địa thứ bảy gọi là Bồ tát tu tập ở vào đệ nhị A tăng kỳ kiếp. Từ Bất động địa thứ tám đến xuất tâm của Pháp vân địa thứ mười, gọi là Bồ tát ở vào đệ tam A tăng kỳ kiếp. Nên nhớ: Tam tu lương, Tứ gia hạnh, Thập địa Bồ tát, mỗi mỗi vị đều phân ba giai đoạn cho sự phát tâm tu là: nhập tâm, trụ tâm và xuất tâm. Ví như đầu niên học, giữa niên học và cuối niên học.

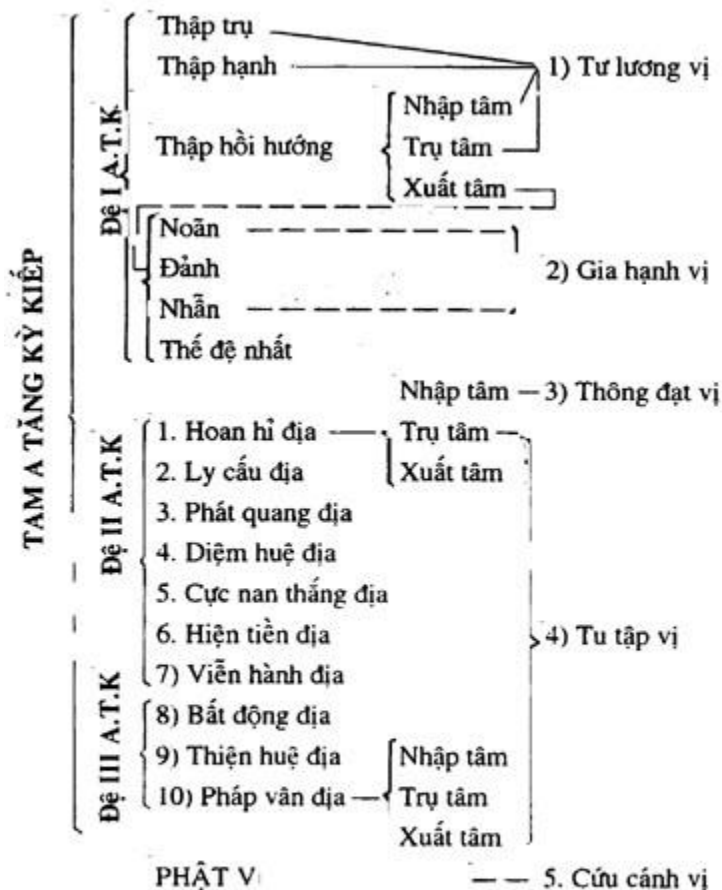
Ba A tăng kỳ kiếp tu tập công viên quả mãn đến địa vị cao tột: **Cứu cánh vô thượng bồ đề**.

"Đây cảnh giới vô lậu
Bất tư nghi, thiện, thường
An lạc, giải thoát thân
Cảnh giới pháp thân, tịch mặc"

Đây là thành quả tu tập trải tam A tăng kỳ kiếp: **Cứu kính vị**, tức quả **Vô thượng bồ đề**. Đến địa vị này là đạt đến cảnh giới "vô lậu" không lọt rớt trong phiền não khổ đau nữa, cảnh giới vượt ngoài suy nghĩ luận bàn, cảnh giới thánh thiện, chân thường, cảnh giới hoàn toàn an lạc, thọ dụng "giải thoát thân thanh tịnh", cảnh giới Đại tịch diệt của pháp thân Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đây là kết quả cuối cùng của quá trình tu tập **Duy thức**, một trong những hệ tư tưởng có tính triết học của **Đại thừa Phật giáo**.

Quả tu tập **Duy thức quán**, trải qua tam A tăng kỳ kiếp của năm địa vị được ước định so sánh như đồ biểu sau:



Phụ chú: Thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng cho đến thập địa Bồ tát, mỗi Địa đều có ba giai đoạn: nhập tâm, trụ tâm và xuất tâm giống nhau tất cả.

BÀI THỨ MƯỜI MỘT

BÁT THỨC QUY CỬ TỤNG

(Bài tụng luận về Quy củ của tám thức)

Quy củ là hai thứ dụng cụ để người ta vẽ ra hình tròn (compa) và góc vuông (êke) của đồ vật dụng. Nghĩa rộng của nó là chuẩn đích, mẫu mực, trong phạm vi khuôn khổ nào đó.

Bát thức Quy Củ nêu ra một số chuẩn mực, phạm vi hoạt động của bát thức tâm vương, gọi là: **Bát thức Quy Củ**. Văn thể cấu tạo hình thức "bài tụng" cho nên gọi **Bát thức quy củ tụng**.

Nói về đệ bát thức có ba bài tụng, mười hai câu. Đệ thất thức, đệ lục thức và tiền ngũ thức cũng vậy. Mỗi thức đều giống nhau, chỉ lưu ý năm thức trước (tiền ngũ thức), tính chất hoạt động giống nhau, cho nên tiền ngũ thức mà cũng chỉ có ba bài tụng, mười hai câu. Trước hết nghiên cứu về **Đệ bát thức**.

ĐỆ BÁT THỨC TỤNG

Tánh duy vô phú hữu biên hành
Giới địa tùy tha nghiệp lực sinh
Nhị thừa bất liễu nhân mê chấp
Do thử năng hưng luận chủ tranh

* **Ý nghĩa rằng:** Đệ bát thức tính của nó vô phú vô ký. Nó tương ứng với năm món tâm sở biên hành, vì tâm sở biên hành cũng cùng tính vô phú vô ký.

Thọ sinh ở tam giới hay ở cửu địa, đệ bát thức không có khả năng tạo nghiệp nhân để thọ lấy quả mà nó hoàn toàn do "**tha nghiệp lực**" dẫn dắt, thúc đẩy nó thọ sinh. Tha nghiệp lực chỉ có năng lực tạo nghiệp của đệ lục ý thức. Trong tám thức tâm vương, ý thức là "*một chàng lang lợi đáng kinh nghi*"...

Hàng Nhị thừa (Thanh văn, Duyên giác) không biết có đệ bát thức, họ chỉ biết có sáu thức. Trình độ hiểu biết của họ ngang với những nhà Tâm lý học, chủ trương: ngoài năm giác quan biểu hiện dễ biết, còn một giác quan khó nhận, gọi là "**tiềm thức**", tức đệ lục ý thức.

Do vậy, Duy thức học, luận chủ phải tranh luận, chứng minh rằng: ngoài sáu giác quan, con người còn phải có "đệ thất", "đệ bát thức" nữa, mới đủ yếu tố cho sự sống còn; chẳng hạn lúc ngủ không chiêm bao....., khi người nhập định "diệt tận", nhập định vô tướng và lúc bị chết ngất.....Duy trì sinh mạng khi con người không còn ý thức ấy, rõ ràng là công lao của đệ thất và đệ bát thức A lại da.

Hạo hạo tam tàng bất khả cùng
Uyên thâm thất lãng cảnh vi phong
Thọ huân trì chủng căn thân khí
Khứ hậu lai tiên tác chủ ông

* **Ý nghĩa rằng:** Đệ bát A lại da thức có ba nghĩa Tàng: Năng tàng, Sở tàng và Ngã ái chấp tàng, thâm sâu, mênh mông, diệu vợi. Suy tư nghĩ ngợi giản đơn của những bộ óc đơn giản, không sao hiểu thấu triệt được.

Đệ bát thức ví như cái duềnh, cái vục vừa lớn vừa sâu. Bấy thức trước nương nơi đệ bát thức mà sinh tồn, hiện hữu thì thô tác dụng của mình, giống như sóng mồi do lực gió, gió thổi sóng lao xao. Sóng xao, gió thổi, gió thổi, sóng xao....không rời ngoài cái vục kia mà có.

Đệ bát thức là cơ sở, là kho tàng tiếp thu và huân tập chủng tử vạn pháp. Từ chủng tử duyên khởi mà hiện hành động vật căn thân hữu tình, khoáng vật, thực vật thế giới vô tình. Tất cả đều nằm gọn trong đệ bát A lại da.

Đệ bát thức A lại da nhìn về mặt sinh diệt: Sinh thì A lại da sinh trước, khi diệt thì A lại da diệt sau cùng. A lại da là ông chủ đối với tiền thất thức bên hữu tình. A lại da cũng là ông chủ đối với vạn pháp sinh sinh hóa hóa vô tình vậy.

Bất động địa tiền tài xả tàng
Kim cang đạo hậu dị thực không
Đại viên vô cấu đồng thời phát
Phổ chiếu thập phương sát trần trung

* Ý nghĩa rằng: A lại da (tàng thức) Bồ tát tu hành đến đệ bát Bất động địa, không còn gọi A lại da nữa. Bởi lẽ, A lại da là cái kho chứa đựng chủng tử hỗn hợp, tốt có mà xấu cũng nhiều. Bồ tát tu tập đến đệ bát địa "**Bất động**" rồi thì chủng tử tạp nhiễm phiền não đã được thanh lọc hết. Và lại, nói về quá trình "**Bất động**", hàng Bồ tát đã bước vào "đệ tam A tăng kỳ kiếp" cho nên cái thức "hỗn hợp" ấy, xả bỏ là lý đương nhiên để thay vào đó cái tên: **Dị thực thức**.

Đến khi chứng địa vị "Đẳng giác" tên "Dị thực thức" cũng không còn lý do tồn tại, bởi vì vấn đề nhân quả đến đây không còn cần thiết nữa.

Sau địa vị Đẳng Giác, đệ bát thức được cái tên: **Vô cấu thức** và chuyển **Vô cấu thức** thành **Trí đại viên cảnh**, tức là thứ trí tròn trịa vô song, trí lớn lao không bờ mé, trong sáng như một thứ kính tuyệt trần.

....Và **Đại viên cảnh trí** ấy soi sáng khắp hằng hà sa số, bất khả thuyết, bất khả thuyết A tăng kỳ thế giới trong mười phương.

BÀI THỨ MƯỜI HAI

ĐỆ THẤT THỨC TỤNG (MẠT NA)

Đôi chất hữu phú thông tình bốn
Tùy duyên chấp ngã lượng vi phi
Bát đại biến hành biệt cảnh tuệ
Tham si ngã kiến mạn tương tùy

* **Ý nghĩa rằng:** Đệ thất Mạt na thức là thức trừu tượng. Nhận biết Mạt na thức chỉ dựa trên ý niệm và công năng **chấp ngã**. Tự thân Mạt na thức chính là công năng **chấp ngã** ấy. Thế cho nên, cảnh của Mạt na cũng là cảnh của "ý niệm", của một bóng dáng "mang theo", của một "chất" mà "chất" ấy cũng là chất "ẩn tượng" của ý niệm. Vì vậy, gọi cảnh ấy là "**đôi chất**" cảnh.

Đệ thất Mạt na thức vốn trừu tượng, duyên lấy "**kiến phần**" của A lại đa thức cũng trừu tượng, nảy sinh ý niệm **chấp ngã** trừu tượng, cho nên gọi là "**thông tình bốn**". Do đó, ba cảnh, đệ thất thức duyên **đôi chất cảnh**. Ba tánh, nó thuộc tánh hữu phú vô ký bởi tính **chấp ngã** ấy.

Đôi với ba lượng, đệ thất thức **phi lượng**, dù nó **chấp ngã** bên con người hữu tình hay bên sự vật vô tình, tất cả đều là chấp sai lầm: **phi** !

Nó tương ứng với năm tâm sở "biến hành", tám món đại tùy phiền não là: Địch cử, hôn trầm.v.v..và một "cô Tuệ" trong loại tâm sở "biệt cảnh".

Đệ thất thức luôn luôn sẵn có tính nhiễm ô, bởi bản chất "hữu phú vô ký" của nó. Cho nên, đệ thất thức xuất đầu lộ diện khi nào: **ngã tham, ngã si, ngã mạn, ngã kiến, ngã ái** xuất hiện. Nói ngược lại: **ngã tham, ngã si, ngã mạn, ngã kiến, ngã ái** chính là **Đệ thất thức** thể hiện nguyên hình, mà không sao tách chúng rời ra.

Hằng thâm tư lương ngã tướng tùy
Hữu tình nhật dạ trần hôn mê
Tứ hoặc bát đại tương ưng khởi
Lục chuyển hô vi nhiễm tịnh y

* **Ý nghĩa rằng:** Như trên ta đã biết, đệ thất thức tức là **Ngã tướng**, ý niệm **Chấp ngã tướng** tức là đệ thất thức, cho nên nó "**Tư lương ngã tướng**", có hai đặc tính: **Hằng** và **Thâm**. Ngày nào một hữu tình chúng sinh còn sinh sống, ngày nào một vô tình chúng sinh còn hiện hữu thì thường trực có sự hiện hữu của thức Mạt na. Vì vậy, nó có đặc tính **Hằng**. Đã là **Chấp ngã** thì lúc nào cũng "có ý" tồn sinh "muôn" duy trì sự hiện hữu của mình. Do

đó, nó có đặc tính **thâm**. Tuy nhiên, nó chỉ **hằng, thâm, tu lương** trong phạm vi **ngã tướng** mà thôi. Nó không có một chức năng nào khác.

Do vậy, Mạt na thức chỉ là khối u mê to lớn đè nặng trấn áp tâm tánh chúng hữu tình. Nó khiến hữu tình mất đi tính sáng suốt, khó mà nhận thức được chân lý.

Mạt na thường tương ứng với bốn thứ chấp sai lầm: ngã si, ngã kiến, ngã mạn, ngã ái cùng với tám món đại tùy phiền não trong những lúc nó hiện hành.

Do vậy, đối với tiền lục thức nó là chỗ chứa chấp, chỗ tích lũy tịnh pháp thì ít mà nhiễm ô thì nhiều.

Cực hỉ tâm sơ bình đẳng tính
Vô công dụng hạnh ngã hằng tột
N như Lai hiện khởi tha thọ dụng
Thập địa Bồ tát sơ bị cơ

* **Ý nghĩa rằng:** Trên bước đường tu tập, Bồ tát bước sang đệ nhị A tăng kỳ kiếp, ở vào sơ tâm Hoan hỉ địa thì chế ngự ý niệm **Chấp ngã**, chuyển Mạt na thức thành trí **Bình đẳng tính**, nhìn hiện tượng sự vật với cái thấy **Nhất chân bình đẳng**.

Đến đệ bát Bất Động địa, ý niệm Chấp ngã hoàn toàn trong sáng mà không còn phải dụng tâm lưu ý diệt trừ: "*Vô công dụng hạnh ngã hằng tột*" !

Xưa kia, ở nơi nhân **chấp ngã**, ích kỷ, bảo thủ bao nhiêu, khi chuyển hóa cải tạo, bồi dưỡng, xây dựng được nó, thì nó trở thành trí **Bình đẳng**, thành **Tha thọ dụng thân** của một vị Như Lai Phật.

..Và **Thân thọ dụng** đó trở thành **đẳng bản sư** của hàng **thập địa bồ tát**.

BÀI THỨ MƯỜI BA

ĐỆ LỤC THỨC TỤNG

Tam tánh tam lương thông tam cảnh
Tam giới luân thời dị khả tri
Tương ưng tâm sở ngũ thập nhất
Thiện ác lâm thời biệt phối chi

* **Ý nghĩa rằng:** Với đệ lục thức, nói về **cảnh** có ba: Tánh cảnh, đối chất cảnh và độc ảnh cảnh. Nói về **lượng** có ba: Hiện lượng, tỷ lượng và phi lượng. Nói về **tánh** có ba: thiện, ác và vô ký. Đệ lục ý thức có đủ hết những điều đó. Do vậy, tầm hoạt động của đệ lục ý thức có đủ hết những điều đó. Do vậy, tầm hoạt động của đệ lục ý thức lan lợi, nhạy bén, và ưu việt hết mọi mặt so với bát thức tâm vương.

Ý niệm tư duy của ý thức, dùng chánh niệm quan sát phân tích, người ta rất dễ biết cái quả của nó sẽ đưa đẩy vào cõi nào trong ba cõi: **Dục, sắc** và **vô sắc**.

Ý thức tương ứng toàn bộ tâm sở hữu pháp 51 món.

Hoàn cảnh môi trường **thiện** đến thì ý thức duyên theo cảnh **thiện**. Ngược lại, nó có thể là ác, thậm chí là cực ác, nếu có môi trường có cơ hội phù hợp theo chiều hướng đó.

Tánh giới thọ tam hằng chuyển dịch
Căn tùy tín đẳng tổng tương liên
Động thân phát ngữ độc vi tối
Dẫn mãn năng chiêu nghiệp lực khiên

* **Ý nghĩa rằng:** Đối với ba tánh: Thiện, ác, vô ký, với ba giới: Dục giới, sắc giới, vô sắc giới, với ba thọ: lạc thọ, khổ thọ và xả thọ ý thức tiếp nhận thay đổi liên tục theo hoàn cảnh mà không cần phải có điều kiện hay lý do...

...Và đệ lục ý thức sinh hoạt gắn liền với căn bản phiền não, chi mặt phiền não, thiện, bất định tâm sở v.v..51 món.

Hành động thiện hay ác của con người biểu lộ qua thân, lời nói lành hay dữ thô lộ ra miệng đều do ý thức chủ động, đóng vai trò chánh. Đương nhiên có sự tham gia đóng góp gián tiếp của nhãn, nhĩ v.v...

Đệ lục ý thức có khả năng tạo nghiệp nhân, tam giới, lục đạo và có khả năng hoàn chỉnh nghiệp nhân ấy, dẫn dắt hữu tình luân chuyển trong tam giới lục đạo...

Phát khởi sơ tâm hoan hỷ địa
Câu sanh do tự hiện triền miên
Viễn hành địa hậu thuận vô lậu
Quán sát viên minh chiếu đại thiên

* **Ý nghĩa rằng:** Hoạt động của đệ lục ý thức thường gắn liền với hai thứ phiền não là "câu sanh" và "phân biệt". Vì vậy, Bồ tát tu tập hết A tăng kỳ kiếp thứ nhất, chỉ trừ bỏ "phân biệt phiền não" mà thôi. Nên nhớ: **Phân biệt phiền não** tức **Kiến hoặc**.

Ở đây, cho ta thấy: Sơ tâm Hoan hỷ địa, tức là địa vị **kiến đạo** mà "câu sanh phiền não" hãy còn "ngủ im" chờ cơ hội ngóc đầu quấy rối. Vượt qua địa vị viễn hành, bước sang A tăng kỳ kiếp thứ ba "**Tu hoặc**" tức "câu sanh phiền não" mới hoàn toàn vắng bóng. Bấy giờ Bồ tát không còn bị giặc **kiến tu hoặc** khuấy rầy, mà thọ dụng sự an lành thanh thoát vô lậu.

...Từ đây, đệ lục ý thức chuyển đổi thành **trí diệu quán sát**, sáng soi viên mãn khắp thế giới ba ngàn.

BÀI THỨ MƯỜI BỐN

TIỀN NGŨ THỨC TỤNG

Tánh cảnh hiện lượng thông tam tánh
Nhãn nhĩ thân tam nhị địa cư
Biến hành biệt cảnh thiện thập nhất
Trung nhị đại bát tham sân si

* **Ý nghĩa rằng:** Năm thức trước (tiền ngũ thức) với ba cảnh, chỉ duyên với "tánh cảnh", tức là cảnh có thực tánh do sắc, thanh, hương, vị xúc; địa, thủy, hỏa, phong, không, hợp thành một chỉnh thể vật chất nào đó. Về **lượng**, nó chỉ là **Hiện lượng**, nghĩa là ngũ thức xúc cảnh, không có tư duy nhận thức. Về **tánh**, môi trường, bối cảnh dù **thiện** dù **ác** hay **vô ký**, tiền ngũ thức vẫn tiếp nhận hồn nhiên, bình đẳng không có vấn đề chọn lọc.

Là người **dục giới**, sinh hoạt trong phạm vi **dục giới** thì tiền ngũ thức mới đủ duyên sinh khởi đầy đủ. Nếu ai đó tu định Sơ thiên ở "Nhị địa" (Ly sinh hỷ lạc địa) thì tứ thức và thiết thức không có điều kiện để sinh khởi hiện hành, vì ở cảnh giới này hành giả thọ dụng **Thiền duyệt thực** mà không sử dụng **đoàn thực**, cho nên thiết thức và tứ thức không đủ duyên sinh khởi.

Tiền ngũ thức tương ứng với các món tâm sở: Biến hành, Biệt cảnh, Thiện, Trung tùy, Đại tùy và Phiền não căn bản: Tham, sân, si....Tóm lại, Tiền ngũ thức luôn luôn hợp tác với đệ lục ý thức qua cái từ **Ngũ câu ý thức**, gây ra nhiều nguyên nhân buồn bực khổ đau. Đó là lý do nó tương ứng với nhiều nhóm tâm sở ấy.

Ngũ thức đồng y tịnh sắc căn
Cửu duyên bát thất hảo tương lân
Hiệp tam ly nhị quan trần thể
Ngu giả nan phân thức dữ căn

Ý nghĩa rằng: Căn có phù trần căn, tức là con mắt, lỗ tai, lỗ mũi, cái lưỡi, sắc thân thô phù hiển lộ ai cũng nhìn thấy được. Còn một thứ căn gọi là **Tịnh sắc** các bác sĩ nói chung, bác sĩ nhãn khoa, răng hàm mặt, bác sĩ tai mũi họng, biết được một phần tinh tế hơn người thường. Người thường có người suốt đời không hề để ý tìm biết về thứ căn này. Không thể cắt nghĩa, giải thích chính xác **Tịnh sắc căn:** Rằng cái gì làm cho thấy, chỗ nào làm cho nghe....mà chỉ có thể nói: **Như thị....như thị.**

Năm thức, nương tịnh sắc căn mà phát sinh. Phù trần căn chỉ là một số dữ kiện: địa, thủy, hỏa, phong...Kết hợp thành một "thăng nhân" của thức.

Thức phát khởi, sinh công dụng còn phải nhờ đến "thăng duyên" nữa. Do vậy, nhãn thức cần hội đủ chín duyên mới sinh được cái thấy, đó là: **Không, minh, căn, cảnh, tác ý, phân biệt, nhiễm tịnh, căn bản** và **chủng tử**. Nhĩ thức, bỏ bớt một, bỏ **minh**, còn lại tám. Tỷ, thiệt, thân thức, bỏ hai: **không, minh**, còn bảy. Đó là những điều kiện không thể thiếu để cho tiền ngũ thức hoạt động hiện hành.

Để Tiền ngũ thức sinh khởi và hoạt động, có ba thức cần phải trực tiếp cạo sát (Hợp) nó mới sinh thức, đó là: Tỷ, Thiệt và Thân thức. Ngược lại, hai thức cần cách hở, có cự ly là Nhãn và Nhĩ thức.

Người bình thường không mấy ai quán sát để ý vấn đề **thức** và **căn** như đã nói trên. Người ta cứ yên trí rằng: Hề con mắt thì ...để thấy. Lỗ tai...để nghe...thật đơn giản !

Biến tướng quán không duy hậu đắc
Quả trung do tự bất thuyên chân
Viên minh sơ pháp thành vô lậu
Tam loại phân thân tức khổ luân

* **Ý nghĩa rằng:** Ngày mà hành giả tu Duy thức quán, triệt ngộ chân lý, thấy rõ vạn pháp giai không, duyên sinh như huyền, chuyển đệ bát thức thành **Đại viên cảnh trí**, đệ thất thức thành **Bình đẳng tánh trí**, chuyển đệ lục thức thành **Diệu quan sát trí** thì tiền ngũ thức chuyển thành **sai biệt trí**. "Sai biệt trí" ở đây gọi: **Hậu đắc trí**. "Sai biệt trí" không trực nhập bản thể chân như mà chỉ trực nhận tính sai biệt của vạn pháp. Rằng tính của vạn pháp không ô nhiễm như xưa nay mình đã tưởng về nó.

....Do vậy, khi con người thành tựu Duy thức tánh, chứng Bồ đề, Niết bàn vô thượng mà trí **sai biệt** vẫn là trí **sai biệt**, nó không trực nhận **chân như**.

Tuy nhiên, ngày đệ bát thức trở thành **Đại viên cảnh trí** thì tiền ngũ thức cũng trở thành "**Vô lậu**", nghĩa là cái nhìn vạn pháp của chúng không còn gây bất mãn, bất bình, bực bội để rồi đau khổ nữa.

....Bây giờ tiền ngũ thức góp phần vào công việc phụng sự chánh pháp, ứng cơ thị hiện, trực loại tùy hình, phổ hiện sắc thân, xiển dương diệu pháp trong sự nghiệp cứu hộ chúng sinh thoát vòng trầm luân khổ hải.

TOÀN VĂN BA MƯƠI BÀI TỤNG

Dịch nghĩa / Phiên âm

1.
Do giả thuyết ngã pháp
Hữu chủng chủng tướng chuyển
Bỉ y thức sở biến
Thử năng biến duy tam

1.
Do ức thuyết về ngã
Ý niệm ngã nầy sanh
Tướng ngã duy thức biến
Thức năng biến có ba

2.

Vị dị thực tư lương
Cấp liễu biệt cảnh thức
Sở A lại da thức
Dị thực nhất thiết chủng

2.

Rằng dị thực, tư lương
Và liễu biệt cảnh thức
Thứ nhất, A lại da
Dị thực, nhất thiết chủng

3.

Bất khả tri chấp thọ
Xứ liễu thường dữ xúc
Tác ý thọ tướng tư
Tương ưng duy xả thọ

3.

Không thể biết chấp thọ
Cảnh, căn, thường cùng xúc
Tác ý, thọ, tướng, tư
Chỉ tương ưng xả thọ

4.

Thị vô phú vô ký
Xúc đẳng diệc như thị
Hằng chuyển như bộc lưu
A la hớn vị xả

4.

Thị vô phú vô ký
Xúc đẳng diệc như thị
Hằng chuyển như bộc lưu
A la hớn vị xả

5.

Thứ đệ nhị năng biến
Thị thức danh Mạt na
Y bị chuyển duyên bị
Tư lương vi tánh tướng

5.

Thức năng biến thứ hai
Tên gọi là mặt na
Từ A lại da...ái A lại da
Tính tướng háo suy lường

6.

Tứ phiền não thường câu
Vị ngã si ngã kiến
Tinh ngã mạn ngã ái
Cập dư xúc đẳng câu

6.

Bốn phiền não thường chung
Là ngã si ngã kiến
Cùng ngã mạn ngã ái
Xúc, tác ý,....tương ưng

7.

Hữu phú vô ký nhiếp
Túy sở sanh sở hệ
A la hán diệt định
Xuất thế đạo vô hữu

7.

Hữu phú vô ký tánh
Khẩn khít A lại da
A la hán, diệt định
Đáng xuất thế không còn

8.

Thứ đệ tam năng biến
Sai biệt hữu lục chủng
Liễu cảnh vi tánh tướng
Thiện bất thiện câu phi

8.

Thức năng biến thứ ba
Có sáu thứ sai biệt
Tiếp nhận tốt tiền cảnh
Thiện, bất thiện câu phi

9.

Thử tâm sở biến hành
Biệt cảnh thiện phiền não
Tùy phiền não bất định
Giải tam thọ tương ưng

9.

Những tâm sở biến hành
Biệt cảnh, thiện, phiền não
Tùy phiền não, bất định
Cả ba thọ tương ưng

10.

Sở biến hành xúc đẳng
Thứ biệt cảnh vị dục
Thắng giải niệm định tuệ
Sở duyên sự bất đồng

10.

Trước hết tâm sở biến hành: Xúc, tác ý, thọ, tưởng, tư
Kế biệt cảnh: có dục
Thắng giải, niệm, định, tuệ
Độc lập trước cảnh duyên

11.

Thiện vị tín tâm quý
Vô tham đẳng tam căn
Cần an bất phóng dật
Hành xả cập bất hại

11.

Thiện: có tín, tâm, quý
Vô tham, vô sân, vô si
Cần an, bất phóng dật
Hành xả và bất hại

12.

Phiền não vị tham sân
Si mạn nghi ác kiến
Tùy phiền não vị phẫn
Hận phú não tật xan

12.

Phiền não: có tham sân
Si, mạn, nghi, ác kiến
Tùy phiền não: là phân
Hận, phú, não, tật xan

13.

Cuồng siểm dữ hại kiêu
Vô tâm cập vô quý
Trạo cử dữ hôn trầm
Bất tín tinh giải đãi

13.

Cuồng siểm với hại, kiêu
Vô tâm và vô quý
Điệu cử với hôn trầm
Bất tín cùng giải đãi

14.

Phóng dật cập thất niệm
Tán loạn bất chánh tri
Bất định vị hồi miên
Tâm từ nhị các nhị

14.

Phóng dật với thất niệm
Tán loạn, bất chánh tri
Bất định: có hồi, miên
Tâm từ: đềi hai mặt.

15.

Y chỉ căn bản thức
Ngũ thức tùy duyên hiện
Hoặc câu hoặc bất câu
Như ba đào y thủy

15.

Nương tựa căn bản thức
Năm thức tùy duyên hiện
Hoặc chung hoặc không chung
Như sóng mồi với nước

16.

Ý thức thường hiện khởi
Trừ sanh vô tướng thiên
Cập vô tâm nhị định
Thùy miên dữ muộn tuyệt

16.

Ý thức thường hiện khởi
Trừ sanh vô tướng thiên
Vô tâm hai thứ định
Chết ngất, lúc ngủ say

17.

Thị chư thức chuyển biến
Phân biệt sở phân biệt
Do thử bị giai vô
Có nhất thiết duy thức

17.

Thị chư thức chuyển biến
Phân biệt sở phân biệt
Do thử bị giai vô
Có nhất thiết duy thức

18.

Do nhất thiết chủng thức
Như thị như thị biến
Dĩ triển chuyển lực cố
Bỉ bị phân biệt sanh

18.

Do nhất thiết chủng thức
Biến như vậy...như vậy...
Và do lực biến chuyển (vận động)
Hiện tượng vô vàn sinh

19.

Do chư nghiệp tập khí
Nhị thủ tập khí câu
Tiền dị thực ký tận
Phục sanh dư dị thực

19.

Do tập khí của nghiệp
Và tập khí hai thủ
Dị thực trước vừa dứt
Tái hiện dị thực sau

20.

Do bị biến kế
Biến kế chủng chủng vật
Thử biến kế sở chấp
Tự tánh vô sở hữu

20.

Do mọi người biến kế
Biến kế đủ thứ vật
Tính biến kế chấp này
Nó không có tự tính

21.

Y tha khởi tự tánh
Phân biệt duyên sở sanh
Viên thành thật ư bỉ
Thường viễn ly tiền tánh

21.

Tự tính y tha khởi
Kết hợp duyên mà sinh
Tự tính viên thành thật
Hằng viễn ly tánh trước

22.

Cổ thử dữ y tha
Phi dị phi bất dị
Nhu vô thường đẳng tánh
Phi bất kiến thử bỉ

22.

Tính viên thành và y tha
Khác mà không phải khác
Nhu tánh vô thường, vô ngã
Hiểu lệch mất cả hai

23.

Tức y thức tam tánh
Lập bỉ tam vô tánh
Cổ Phật mật ý thuyết
Nhất thiết pháp vô tánh

23.

Chỉ vì ba tự tính
Chỉ ra ba vô tính
Mật ý của Phật nói
Tất cả pháp vô tính

24.

Sơ tức tướng vô tánh
Thứ vô tự nhiên tánh
Hậu do viễn ly tiền
Sở chấp ngã pháp tánh

24.

Một hiện tướng, vô tính
Hai tính tự nhiên, vô tính
Ba tính viễn ly, biến kế
Và tính chấp ngã, vô tính

25.

Thử chư pháp thắng nghĩa
Diệc tức thị chân như
Thường như kỳ tánh cố
Tức duy thức thật tánh

25.

Đây thắng nghĩa các pháp
Đây chính là chân như
Vì nó hằng như như
Đầu thực tính duy thức

26.

Nãi chí vị khởi thức
Cầu trụ duy thức tánh
Ư' nhĩ thủ tùy miên
Du vị năng phục diệt

26.

Khởi tâm tu duy thức
Cầu trụ duy thức tánh
Hai thủ ngữ im lìm
Chưa diệt trừ chình phục

27.

Hiện tiền lập thiểu vật
Vị thị duy thức tánh
Dĩ hữu sở đắc cố
Phi thật trụ duy thức

27.

Được phần ít nhẹ nhàng
Cho là chứng duy thức
Vì còn thấy có được
Chưa thực trụ duy thức

28.

Nhược thời ư sở duyên
Trí đô vô sở đắc
Nhi thời trụ duy thức
Ly nhị thủ tướng cố

28.

Chùng nào cảnh sở duyên
Tâm không hề sở đắc
Trụ duy thức là đây
Bởi hai thủ xa rời

29.

Vô đắc bất tư nghi
Thị xuất thế gian trí
Xả nhị thô trọng cố
Tiện chứng đắc chuyển y

29.

Thanh thoát vượt nghĩ bàn
Đây! Trí xuất thế gian !
Viễn ly hai thô trọng
Thọ dụng quả chuyển y

30.

Thử tức vô lậu giới
Bất tư nghi thiện thường
An lạc giải thoát thân
Đại mâu ni danh pháp

30.

Đây cảnh giới vô lậu
Bất tư nghi, thiện, thường
An lạc, giải thoát thân
Cảnh giới pháp thân, tịch mặc

Hết Duy Thức Luận

---o0o---